



CÔNG TY CP QUỐC TẾ SƠN HÀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2019

Số: *h0...*/2019/CV-SHI
Về việc công bố Báo cáo thường niên
năm 2018

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty: Công ty CP Quốc tế Sơn Hà

Mã chứng khoán: SHI

Địa chỉ trụ sở chính: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 84-4-62656566 Fax: 84-4-62656588

Người thực hiện công bố thông tin: Đàm Quang Hùng

Địa chỉ: Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 84-4-62656566 Fax: 84-4-62656588

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố (*):

- Công ty CP Quốc tế Sơn Hà công bố Báo cáo thường niên năm 2018.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 18/04/2019 tại đường dẫn www.sonha.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Lưu VT.

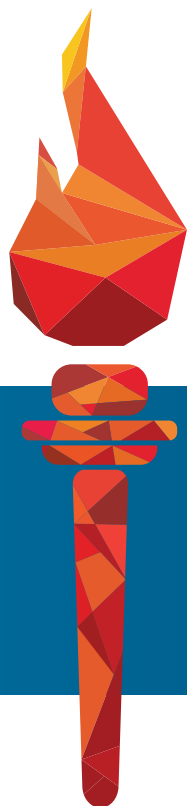
Người thực hiện công bố thông tin
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC
Đàm Quang Hùng

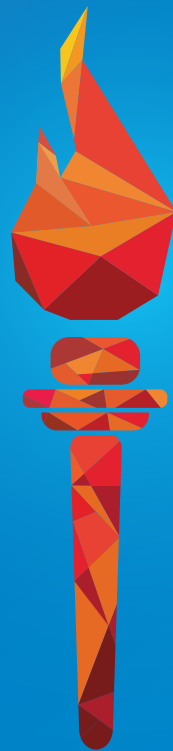
(*): - Đối với công bố thông tin Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập và hoạt động...; Điều lệ; Quy chế Quản trị Công ty có thay đổi/điều chỉnh, cần nêu rõ nội dung các thay đổi/điều chỉnh so với lần công bố thông tin trước;

- Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố, cần giải trình rõ nguyên nhân đính chính



**TỪ KHỞI ĐẦU
ĐẾN
KHỞI NGHIỆP**

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2018



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2018

NỘI DUNG

04 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

06 PHẦN I: DẤU ẤN SƠN HÀ 2018

08 Những con số ấn tượng

10 Hoạt động nổi bật

16 Tình hình tài chính cơ bản

18 PHẦN II: Tổng quan về Sơn Hà

20 Thông tin cơ bản

22 Lịch sử phát triển

24 Giải thưởng tiêu biểu

26 Ngành nghề kinh doanh

36 Quy mô thị trường

38 Tổ chức bộ máy

40 Ban lãnh đạo

44 Chiến lược phát triển

**46 PHẦN III: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2019**

48 Báo cáo đánh giá của Ban Giám đốc

52 Báo cáo đánh giá của Hội đồng quản trị

54 PHẦN IV: BÁO CÁO QUẢN TRỊ

56 Hoạt động của Hội đồng quản trị

57 Hoạt động của Ban Kiểm soát

63 Quan hệ cổ đông

65 Quản trị rủi ro

68 PHẦN V: BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

76 PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH



“20 năm Sơn Hà -
Từ khởi đầu đến
khởi nghiệp”

Lê Vinh Sơn

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

“Chúng tôi mong ước trong mỗi mái nhà Việt Nam đều có sản phẩm Sơn Hà như một giá trị của chất lượng và niềm tin”

Kính gửi: Quý cổ đông

Năm 2018, Sơn Hà tự hào đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì của Chủ tịch nước và kỷ niệm 20 năm thành lập Công ty (17/11/1998 – 17/11/2018).

Trải qua hành trình phát triển đầy cảm hứng, sẵn sàng thử thách và tiên phong trong nhiều lĩnh vực, Sơn Hà đã trở thành tập đoàn quốc tế quy mô với 14 công ty thành viên và liên kết, 8 nhà máy trong và ngoài nước, mạng lưới hơn 20.000 nhà phân phối, xuất khẩu tới 32 quốc gia và vùng lãnh thổ. Từ những bước chân thần tốc ấy, chúng tôi đã đi rất xa khỏi định vị “vua bồn inox” để trở thành “Bạn thân của mọi gia đình Việt”.

Hệ sinh thái cho ngôi nhà của Sơn Hà hiện đã có bình nước nóng, bồn nước inox, bể nước ngầm cao cấp, bể phốt thông minh Septic, Thái Dương Năng, máy hút mùi, bếp từ, nồi cơm điện, máy sinh tố, chậu rửa inox, máy lọc nước R.O...

Ngoài ngành công nghiệp truyền thống là các dải sản phẩm phục vụ gia dụng, công nghiệp và xuất khẩu, chặng đường phát triển tiếp theo của tập đoàn Sơn Hà sẽ là thương hiệu sản xuất Xanh với những sản phẩm thân thiện với môi trường. Sơn Hà sẽ trở thành nhà cung cấp các giải pháp về năng lượng sạch và tái tạo, cung cấp nước sạch và giải pháp về nguồn nước từ những công nghệ tiên tiến nhất trên thế giới.

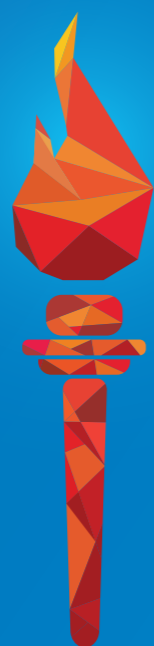
Sơn Hà đang tiến những bước vững chắc trên con đường xây dựng một thương hiệu vượt khỏi biên giới quốc gia. Sau hơn 20 năm phát triển, tinh thần khởi nghiệp ban đầu của Sơn Hà vẫn không thay đổi: Xây dựng một thương hiệu tự sản xuất của người Việt – là thương hiệu Quốc gia, niềm kiêu hãnh của trí tuệ và sức sáng tạo Việt Nam. Chúng tôi mong ước trong mỗi mái nhà Việt Nam đều có sản phẩm Sơn Hà như một giá trị của chất lượng và niềm tin.

Bước sang năm 2019, với những nỗ lực hết mình của đội ngũ cán bộ nhân viên và sự ủng hộ của Quý cổ đông, Quý nhà đầu tư, chúng tôi có niềm tin mạnh mẽ vào sự phát triển bền vững của thương hiệu Sơn Hà.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin chân thành cảm ơn sự tín nhiệm và đồng hành của Quý cổ đông, Quý nhà đầu tư!

Chủ tịch HĐQT

Lê Vinh Sơn



PHẦN I
DẤU ẤN SƠN HÀ
2018



NHỮNG CON SỐ ẤN TƯỢNG

HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT



01

ĐÓN NHẬN HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHÌ

Ra đời năm 1998, trong lịch sử 20 năm xây dựng và phát triển, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà tự hào là một doanh nghiệp tư nhân kinh doanh thành công, gương mẫu trong đóng góp ngân sách, tạo công ăn việc làm cho hàng ngàn người lao động. Không chỉ tích cực thúc đẩy phát triển kinh tế, Sơn Hà còn chú trọng chia sẻ trách nhiệm cộng đồng bằng những chương trình an sinh và thiện nguyện hiệu quả nhằm nâng cao đời sống người dân...

Với những thành tích đáng tự hào ấy, nhân kỷ niệm 20 năm thành lập Công ty, Đảng và Nhà nước đã xét trao tặng Huân chương lao động hạng Nhì và cờ thi đua của UBND TP Hà Nội cho tập thể có thành tích xuất sắc.

Đây không chỉ là vinh dự của toàn thể cán bộ nhân viên Sơn Hà, mà còn là sự ghi nhận kịp thời của Đảng và Nhà nước đối với những nỗ lực của khối doanh nghiệp tư nhân và là nguồn động viên, khích lệ tinh thần quý báu đối với kinh tế tư nhân nói chung và Sơn Hà nói riêng.



02

CHÍNH THỨC ĐƯA VÀO HOẠT ĐỘNG NHÀ MÁY SƠN HÀ MYANMAR

Từ tầm nhìn xa chiến lược về thị trường rộng lớn duy nhất còn lại trong khu vực Đông Nam Á, Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà đã quyết định thành lập Công ty Sơn Hà Myanmar (SHM) và xây dựng nhà máy sản xuất tại Myanmar.

Năm 2018 nhà máy Sơn Hà Myanmar chính thức hoàn thiện và đi vào hoạt động. Đơn hàng bồn nước inox đầu tiên do nhà máy Sơn Hà Myanmar sản xuất đã được giao tại Yangon, đánh dấu bước đi thực sự đầu tiên của Sơn Hà – thương hiệu uy tín và hàng đầu Việt Nam tại Myanmar. Thị trường Myanmar tuy còn sơ khai, nhưng lại đầy tiềm năng, hứa hẹn tương lai tươi sáng cho những người tiên phong.



03

TIÊN PHONG TRONG NGÀNH NĂNG LƯỢNG SẠCH VÀ NƯỚC SẠCH

Hướng tới mục tiêu phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường, năm 2018, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà đã kí kết hợp tác với nhiều doanh nghiệp lớn trên thế giới:

- Thành lập công ty liên doanh Sơnha Wegen: phát triển nhà máy điện năng lượng mặt trời, điện mặt trời cho hộ gia đình
- Ký kết hợp tác với tập đoàn quốc tế Nagaoka – phát triển công nghệ Chemiless, xử lý nước ngầm không dùng hoá chất tiêu chuẩn Nhật Bản quy mô đô thị và công nghiệp
- Ký kết hợp tác với tập đoàn Kyoritsu Nhật Bản – phát triển hệ thống xử lý nước thải Jokasou quy mô đô thị và công nghiệp



HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT

.04 SÁP NHẬP TOÀN MỸ - THƯƠNG HIỆU BỀN NƯỚC LÂU ĐỜI TẠI VIỆT NAM

Từ ngày 10.10.2018, Sơn Hà đã chính thức xong thủ tục pháp lý về việc thu tóm xong Toàn Mỹ, Ủy ban chứng khoán cấp thủ tục chứng thực là Chấp thuận kết quả phát hành hoán đổi cổ phiếu. Như vậy, sau khi hoán đổi, Công ty Toàn Mỹ đã chính thức trở thành công ty con của Sơn Hà (Sơn Hà chiếm 99,78% cổ phiếu Toàn Mỹ đang lưu hành). Vốn điều lệ mới của Sơn Hà được xác nhận là 853.873.370.000 VND (tăng thêm 179.600.000.000 VND).

Việc thu tóm thành công Toàn Mỹ không chỉ giúp Sơn Hà mở rộng và phát triển thị trường phía Nam, tận dụng lợi thế sẵn có về năng lực sản xuất, hệ thống phân phối và thương hiệu của Toàn Mỹ tại thị trường phía Nam, mà còn củng cố vững chắc vị trí "anh cả" trong ngành sản xuất bồn nước inox.



.05

TỔ CHỨC THÀNH CÔNG LỄ RA MẮT CHẬU RỬA INOX CAO CẤP

Ngày 21/6/2018, tại Long Biên Palace, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà đã tổ chức thành công lễ ra mắt "Chậu rửa inox cao cấp - Độ bền vượt thời gian" với sự tham gia của hơn 300 nhà phân phối, đại lý thân thiết.

Chậu rửa inox cao cấp Sơn Hà được tích hợp các công nghệ tiên tiến hàng đầu thế giới như: Công nghệ ép liền khối theo tiêu chuẩn châu Âu, không đường hàn, cho độ bền vượt trội; Công nghệ sơn tĩnh điện tiêu âm chống ồn; Công nghệ laser khắc chìm logo, chống hàng giả và thiết kế xi phông ngăn mùi hiệu quả. Đặc biệt, các dòng chậu rửa inox cao cấp Sơn Hà mới ra mắt còn có kích thước hộc chậu lớn hơn so với các dòng sản phẩm cùng loại trên thị trường, giúp tối ưu hóa không gian sử dụng.

.06 VINH DANH THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 2018 - 2020

Trong Lễ Công bố các doanh nghiệp có sản phẩm đạt thương hiệu quốc gia năm 2018 tại Hà Nội vào ngày 20 tháng 12 năm 2018, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà vinh dự đạt được danh hiệu quý giá này lần thứ 2 liên tiếp (Danh hiệu được chọn lọc và công bố mỗi 2 năm 1 lần).

Chương trình Thương hiệu Quốc gia là chương trình duy nhất của Chính phủ Việt Nam tiến hành với mục đích quảng bá hình ảnh quốc gia, thương hiệu quốc gia thông qua thương hiệu sản phẩm (hàng hóa và dịch vụ). Những doanh nghiệp đạt Thương hiệu Quốc gia ngoài vinh dự và tự hào, còn nhận lãnh trách nhiệm to lớn: đại diện giá trị chung của nền kinh tế Đất nước tham gia hội nhập thương mại toàn cầu, xây dựng hình ảnh Việt Nam là quốc gia có uy tín về hàng hóa và dịch vụ đa dạng phong phú với chất lượng cao. Thương hiệu Quốc gia chính là tài sản của đất nước, là tự hào quá khứ - uy tín hiện tại - kiến tạo tương lai của doanh nghiệp.



.07

15 NĂM LIÊN TIẾP VINH DANH HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO

Giải thưởng Hàng Việt Nam chất lượng cao là một trong những danh hiệu uy tín trên thị trường trong suốt hơn 20 năm qua khi được thực hiện dựa trên việc khảo sát ý kiến khách quan của người tiêu dùng từ trải nghiệm sử dụng sản phẩm. Với sự tham gia của 13.000 hộ gia đình và 3.000 điểm bán lẻ tại 12 tỉnh, thành phố, cùng với 17.300 phiếu bình chọn trực tuyến, Hàng Việt Nam chất lượng cao 2018 được xem là giải thưởng đại diện cho niềm tin của người tiêu dùng cả nước.

Việc liên tục nhiều năm liền được vinh danh tại hạng mục giải thưởng do người tiêu dùng bình chọn là sự kiện có ý nghĩa quan trọng đối với Sơn Hà, ghi dấu quá trình 20 năm xây dựng và trưởng thành, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người Việt.



.08 TOP 10 SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CHỦ LỰC TP HÀ NỘI

Sản phẩm Sơn Hà được UBND thành phố Hà Nội công nhận TOP 10 sản phẩm công nghiệp chủ lực năm 2018 với thời hạn công nhận là 3 năm (từ ngày 30/11/2018 đến ngày 30/11/2021).

Giải thưởng sản phẩm công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội là một trong những danh hiệu uy tín với nhiều tiêu chí khắt khe về doanh thu, xuất khẩu, ứng dụng khoa học kỹ thuật... do Sở Công thương thành phố trực tiếp lựa chọn và sàng lọc. Các sản phẩm được vinh danh là nhóm sản phẩm xuất khẩu chủ lực, đóng góp tỷ trọng lớn vào tổng giá trị sản xuất công nghiệp. Cụ thể, tổng doanh thu của 61 sản phẩm đạt chứng nhận đạt xấp xỉ 40.000 tỷ đồng, chiếm 35,2% giá trị sản xuất ngành công nghiệp toàn thành phố.

HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT



09

CHỨNG NHẬN XUẤT SẮC VỀ CHỈ SỐ HÀI LÒNG KHÁCH HÀNG – CSI 2018

Tháng 12/2018, dựa trên những đánh giá độc lập từ Hội đồng Viện Nghiên cứu kinh tế, Sơn Hà đã vinh dự được trao tặng chứng nhận "Doanh nghiệp xuất sắc" về chỉ số hài lòng khách hàng CSI 2018.

Chuẩn mực CSI:2018 (Customer Satisfaction Index) là chỉ số đo lường sự thỏa mãn của khách hàng đối với các ngành hàng, doanh nghiệp ở nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Đây là một chương trình khảo sát do Viện Nghiên cứu kinh tế tổ chức, dưới sự giám sát chất lượng quốc tế bởi đại diện Tổ chức đánh giá và chứng nhận quốc tế InterConformity (Đức, châu Âu).



10 HOẠT ĐỘNG KỶ NIỆM 20 NĂM THÀNH LẬP SƠN HÀ

Năm 2018, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà kỷ niệm 20 năm thành lập và phát triển bằng một chuỗi hoạt động thiết thực và giàu ý nghĩa. Hàng loạt các sự kiện thi đua sản xuất – kinh doanh và văn hóa, xã hội – thể thao đã được triển khai trong toàn Công ty, nhằm gắn kết hơn 2.000 cán bộ nhân viên và tạo động lực cổ vũ tinh thần lao động, sản xuất. Điển hình là Đại hội thể thao Sơn Hà 2018 với sự tham gia của 12 công ty thành viên; cuộc thi Sơn Hà trong tôi - nơi những kỉ niệm, cảm xúc về Sơn Hà được giải bày; dự án thiện nguyện Cùng Sơn Hà đem nước sạch lên vùng cao; thi đua nội bộ danh hiệu Ong vàng Sơn Hà – Thợ vàng Sơn Hà – Chiến binh Sơn Hà...

Đặc biệt, ngày 14/11/2018, tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia Việt Nam, Đại lộ Thăng Long - Mỹ Trì - Nam Từ Liêm - Hà Nội, Sơn Hà long trọng tổ chức kỷ niệm 20 năm thành lập (17/11/1998 – 17/11/2018) và đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì.

Lễ kỷ niệm 20 năm thành lập không chỉ là cuộc hội ngộ đầy xúc động giữa các thế hệ lãnh đạo và CBNV Sơn Hà qua nhiều thời kì mà còn là dịp để Sơn Hà tri ân 20 gương mặt kỉ cựu đã đồng hành cùng Sơn Hà từ những ngày đầu thành lập.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CƠ BẢN

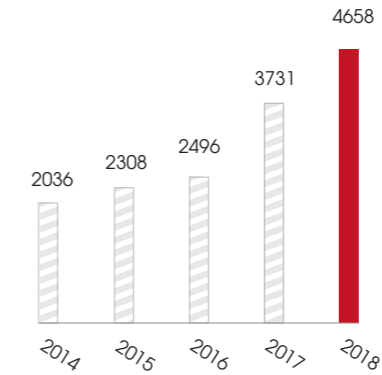
GIẢI ĐOẠN 2014 - 2018



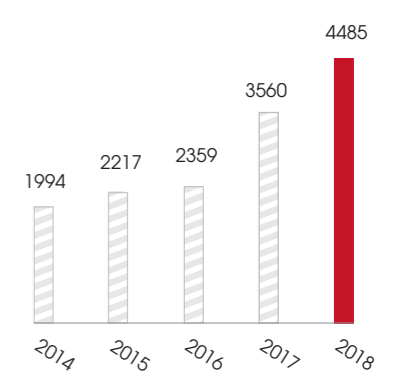
TT	Tiêu chí	Đơn vị tính	2014	2015	2016	2017	2018	Tỷ lệ tăng bình quân 5 năm
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2,036	2,308	2,496	3,731	4,658	48%
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1,994	2,217	2,359	3,560	4,485	30%
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	Tỷ đồng	44	96	130	130	128	48%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	32	73	103	105	108	54%
5	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	443	686	843	916	1,116	35%
6	Nợ ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	60	110	138	209	306	65%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất Sơn Hà 2018

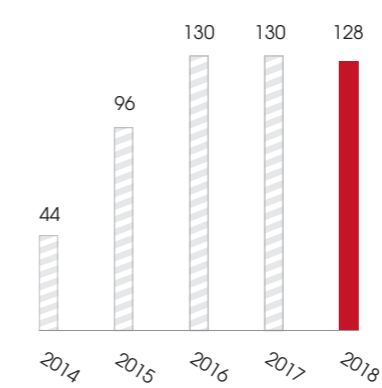
TỔNG DOANH THU
(Đơn vị tính: Tỷ đồng)



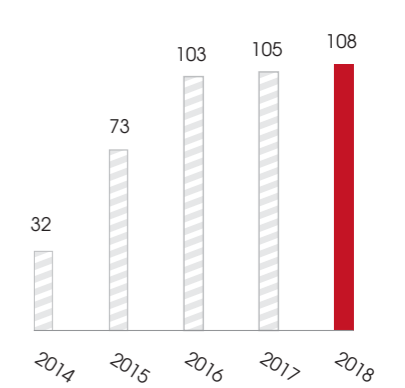
DOANH THU THUẦN
(Đơn vị tính: Tỷ đồng)



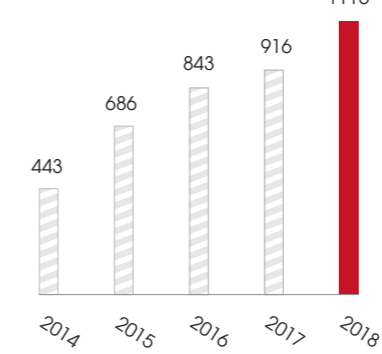
TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ
(Đơn vị tính: Tỷ đồng)



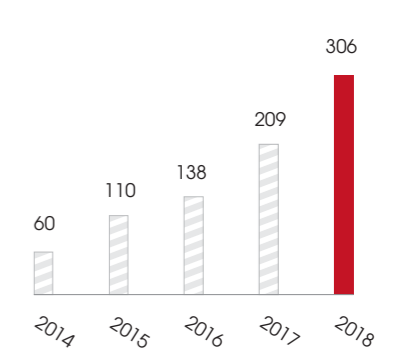
LỢI NHUẬN SAU THUẾ
(Đơn vị tính: Tỷ đồng)

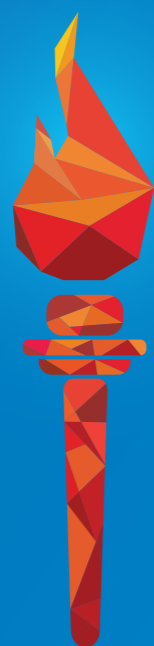


VỐN CHỦ SỞ HỮU
(Đơn vị tính: Tỷ đồng)



NỢ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Đơn vị tính: Tỷ đồng)





PHẦN II
TỔNG QUAN
VỀ SƠ HẠ

THÔNG TIN CƠ BẢN

TẦM NHÌN

Trở thành Tập đoàn hàng đầu Việt Nam và châu Á trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp. Nhà cung cấp giải pháp toàn diện về năng lượng tái tạo (điện năng lượng mặt trời và gió), khai thác và cung cấp nước sạch quy mô lớn, cung cấp giải pháp xử lý nước thải quy mô lớn.

SỨ MỆNH

Mang lại sự hài lòng cho khách hàng bằng sản phẩm, dịch vụ chất lượng tốt nhất; cam kết phát triển bền vững, có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TRÁCH
NHIỆM

ĐỔI
MỚI

ĐOÀN
KẾT

TÔN
TRỌNG

LIÊM
CHÍNH

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

Với thế mạnh là Tập đoàn có sự nhận diện lớn tại Việt Nam cho các sản phẩm gia dụng, công nghiệp chất lượng cao và hệ thống các nhà phân phối, đối tác rộng khắp, Sơn Hà quyết tâm đầu tư vào lĩnh vực cung cấp sản phẩm - giải pháp hiệu quả cho ngành năng lượng tái tạo, cũng như ngành cung cấp nước sạch; phát triển ngành này trở thành động lực phát triển chính của Tập đoàn vào năm 2025.



Mã cổ phiếu: **SHI**



Vốn điều lệ
853.873.370.000 đồng



Mã số thuế: **0100776445**

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Tên tiếng Anh: SONHA INTERNATIONAL CORPORATION

Tên viết tắt: SONHA.CORP

Trụ sở chính: Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: +84-24-62656566

Fax: +84-24-62656588

Website: <http://www.sonha.com.vn/>

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Thành lập

Sơn Hà được thành lập năm 1998 với tên Công ty TNHH Cơ Khí Sơn Hà theo Giấy phép đăng ký kinh doanh ngày 17/11/1998 của UBND thành phố Hà Nội.

Bước chân vào thị trường Mỹ

Xuất khẩu ống thép Inox Sơn Hà vào thị trường Mỹ. Đây là dấu mốc quan trọng đánh dấu Sơn Hà phát triển ngành sản xuất Công nghiệp, ống inox Sơn Hà là thương hiệu duy nhất tại Việt Nam đạt chứng chỉ PED để đủ phẩm chất đi vào những thị trường khó tính như EU và Mỹ.

Cổ phần hóa

Cổ phần hoá Sơn Hà Sài Gòn, chuyển đổi mô hình từ Công ty TNHH MTV Công nghiệp Sơn Hà sang Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn.

Thành công tiến vào Ấn Độ

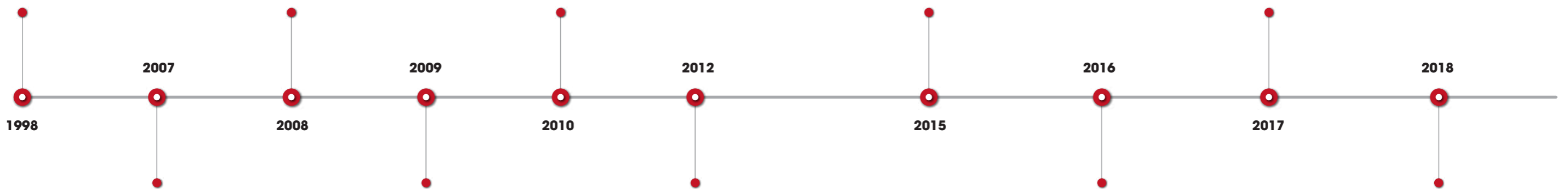
Chính thức vào thị trường Ấn Độ, trở thành thương hiệu ống thép công nghiệp số 1 tại thị trường Ấn Độ với hơn 1 tỷ dân.

Mở rộng mạng lưới chi nhánh lên hơn 40 chi nhánh, tăng vốn điều lệ lên 547 tỷ đồng.

Tái cấu trúc doanh nghiệp

Tái cấu trúc doanh nghiệp thành công với công ty mẹ và các công ty thành viên; Thực hiện thành công thương vụ M&A mua Trường Tuyển thương hiệu lớn có uy tín trong ngành sản xuất bồn chứa nước inox, góp phần mở rộng quy mô sản xuất và hệ thống phân phối; Xây dựng nhà máy ở Myanmar.

Xuất khẩu tới 32 quốc gia và vùng lãnh thổ.



Chuyển đổi mô hình Công ty

Chuyển đổi sang mô hình Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100776445 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Nhà máy sản xuất Inox Sơn Hà với diện tích 45.000m² (khu công nghiệp Phùng, Đan Phượng) hoàn thành và đi vào hoạt động.

Trở thành công ty đại chúng

Sơn Hà trở thành công ty đại chúng, chính thức niêm yết 15 triệu cổ phiếu tại Sở GDCK TP. Hồ Chí Minh với mã SHI; Vốn điều lệ đăng ký 150 tỷ đồng.

Mở rộng xuất khẩu

Mở rộng xuất khẩu đến 20 quốc gia trên thế giới như: Mỹ, Brazil, Argentina, Mexico, Singapore...

Mở rộng hệ thống các nhà máy

Khai trương nhà máy Sơn Hà Nghệ An; Thành lập Công ty TNHH MTV Logistics Sơn Hà, ra mắt sản phẩm Bình nước nóng SHI, khởi công nhà máy Sơn Hà Bắc Ninh.

Hợp tác quốc tế

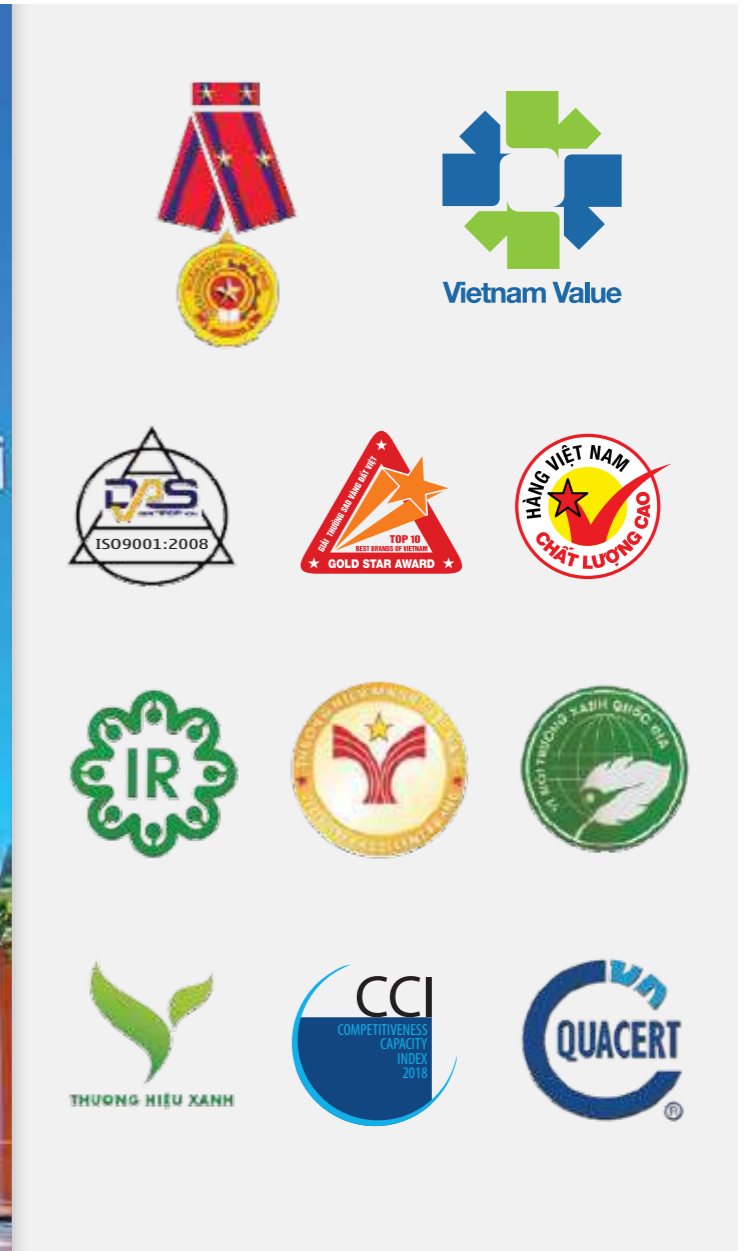
Sáp nhập Toàn Mỹ - thương hiệu bồn nước cao cấp và lâu đời nhất của Việt Nam.

Bùng nổ các ngành sản xuất và kinh doanh mới có tính bước ngoặt:

- Ký kết hợp tác với tập đoàn quốc tế Nagaoka – phát triển công nghệ Chemiless, xử lý nước ngầm không dùng hoá chất tiêu chuẩn Nhật Bản quy mô đô thị và công nghiệp.
- Ký kết hợp tác với tập đoàn Kyoritsu Nhật Bản – phát triển hệ thống xử lý nước thải Jokasou quy mô đô thị và công nghiệp.



GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



17.11.1998
17.11.2018

Lễ kỷ niệm 20 năm thành lập Công ty

- 01. Huân chương Lao động hạng Nhì do Chủ tịch nước trao tặng
- 02. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ
- 03. Thương hiệu Quốc gia
- 04. Top 10 Sao vàng đất Việt
- 05. Top 10 sản phẩm công nghiệp chủ lực Tp Hà Nội

- 06. Hàng Việt Nam chất lượng cao
- 07. Giải quốc gia về Hiệu quả Tiết kiệm năng lượng
- 08. Chứng nhận PED của tổ chức quốc tế TUV
- 09. ISO 9001:2008
- 10. CSI 2018

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

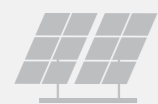
Hệ thống sản phẩm của Sơn Hà đã được chứng nhận đạt chuẩn ISO 9001:2008, thương hiệu quốc gia và tự hào là doanh nghiệp Việt Nam duy nhất được cấp chứng chỉ PED của tổ chức quốc tế TUV (Đức).



Sản xuất và kinh doanh sản phẩm gia dụng



Sản xuất và kinh doanh sản phẩm công nghiệp



Phát triển năng lượng sạch (mặt trời và gió)



Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch



Cung cấp giải pháp xử lý nước thải quy mô lớn



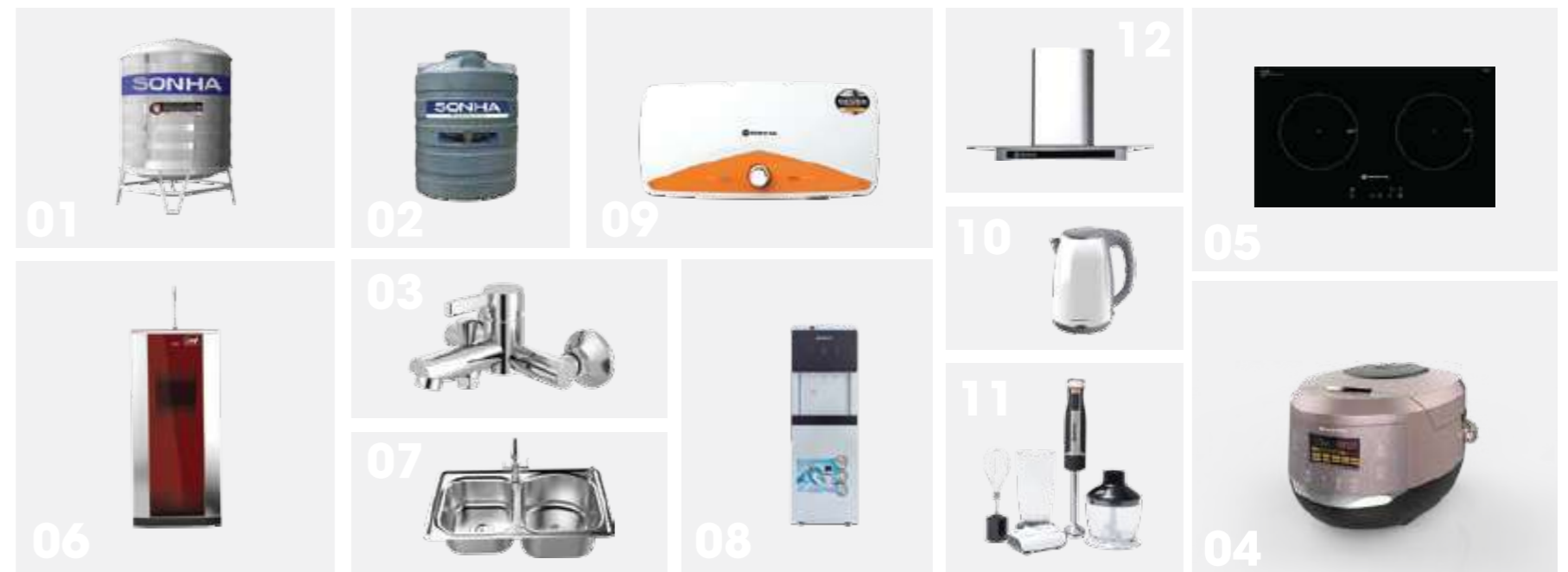
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

■ Sản xuất và kinh doanh sản phẩm gia dụng



Lĩnh vực sản xuất & kinh doanh sản phẩm gia dụng đã góp phần định hình tên tuổi và vị thế của thương hiệu Sơn Hà trên thị trường những ngày đầu. Tiếp nối thành công đó, Sơn Hà luôn chú trọng đầu tư hệ thống dây chuyền công nghệ tiên tiến, không ngừng đổi mới và cải tiến để hoàn thiện chất lượng sản phẩm - mang lại những giá trị hoàn hảo nhất cho ngôi nhà Việt.

- 01 — BỒN CHỨA NƯỚC INOX
- 02 — BỒN CHỨA NƯỚC NHỰA
- 03 — SEN VÒI
- 04 — NỒI CƠM ĐIỆN
- 05 — BẾP TỬ
- 06 — MÁY LỌC NƯỚC
- 07 — CHẬU RỬA INOX
- 08 — CÂY NƯỚC NÓNG LẠNH
- 09 — BÌNH NƯỚC NÓNG
- 10 — ẤM SIÊU TỐC
- 11 — MÁY XAY SINH TỐ
- 12 — MÁY HÚT MÙI



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

■ Sản xuất và kinh doanh sản phẩm công nghiệp



Xác định sản xuất & kinh doanh sản phẩm phục vụ công nghiệp là lĩnh vực đem lại tăng trưởng vượt bậc cho thương hiệu, Sơn Hà không chỉ chú trọng đầu tư về dây chuyền công nghệ mà còn kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất theo chuẩn quốc tế. Cam kết về chất lượng và uy tín dịch vụ, hệ thống sản phẩm công nghiệp của Sơn Hà đã trở thành người bạn đồng hành bền vững của nhiều công trình lớn trong và ngoài nước.



ỐNG, HỘP INOX TRANG TRÍ, CÔNG NGHIỆP

Ống inox Sơn Hà được sản xuất trên dây chuyền công nghệ tiên tiến, đáp ứng tiêu chuẩn ASTM (Mỹ) và tiêu chuẩn châu Âu DIN EN10217-7, JIS-Nhật Bản.



THÁI DƯƠNG NĂNG DÀN TỔNG

Thái Dương Năng dàn tổng kết hợp Heatpump là giải pháp cung cấp nước nóng, tiết kiệm điện thông minh cho các công trình lớn.



BỂ LẮP GHÉP CÔNG NGHIỆP

Nhờ sự đa dạng về dung tích, dễ dàng lắp đặt, vệ sinh, bể inox lắp ghép Sơn Hà có thể phục vụ các công trình công nghiệp yêu cầu dung tích lớn.



BỒN NƯỚC INOX LẮP GHÉP GRP

Bồn nước lắp ghép GRP Sơn Hà được lắp ghép từ các tấm vật liệu Polyeste cường lực sợi thủy tinh (GRP) có độ bền cao và đa dạng về dung tích.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

■ Phát triển năng lượng sạch (Mặt trời và gió)



THÁI DƯƠNG NĂNG ■



PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI ■
(Điện mặt trời mái nhà)



SOLAR FARM ■



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

■ Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch

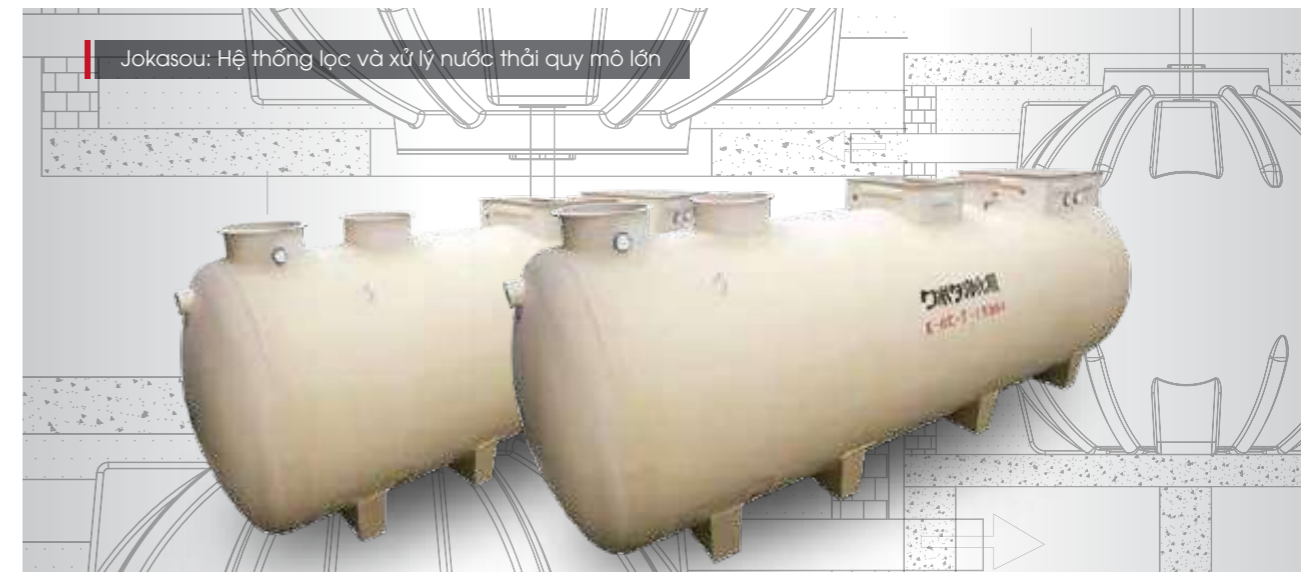
Sơn Hà đã tham gia đầu tư vào các dự án cung cấp nước sạch theo hình thức đầu tư vốn vào một số công ty hoặc M&A các công ty trong lĩnh vực cung cấp nước sạch.

Đặc biệt, Sơn Hà cũng đã ký hợp tác với các tập đoàn uy tín từ Nhật Bản để chuyển giao công nghệ tiên tiến hàng đầu thế giới về xử lý nước sạch không can thiệp hoá chất, đạt chuẩn Nhật Bản. Hệ thống do Sơn Hà cung cấp đáp ứng được quy mô công nghiệp và đô thị.



■ Cung cấp giải pháp xử lý chất thải và nước thải

Chất lượng cuộc sống của người dân Việt Nam phụ thuộc rất nhiều vào nền tảng cơ sở hạ tầng thân thiện với môi trường. Nhu cầu cấp bách về xử lý chất thải theo hướng thân thiện với môi trường, không làm ảnh hưởng mạch nước ngầm, trả lại một thiên nhiên ít bị thương tổn - chính là lý do Sơn Hà phát triển nhóm sản phẩm xử lý chất thải.










QUY MÔ THỊ TRƯỜNG

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà cung cấp các sản phẩm chất lượng tới người tiêu dùng cả nước và xuất khẩu sang nhiều nước trên thế giới.

THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

Sơn Hà có 07 nhà máy sản xuất tại Việt Nam với tổng diện tích khoảng 250.000 m² trải dài cả 3 miền Bắc - Trung - Nam để đáp ứng nhu cầu của thị trường.

- 
Nhà máy Sơn Hà Diễn
 Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- 
Nhà máy Sơn Hà Phùng
 KCN Phùng, Đan Phượng, TP Hà Nội
- 
Nhà máy Sơn Hà Bắc Ninh
 Khu CN đô thị Thuận Thành 2, xã Mão Điền, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh
- 
Nhà máy Sơn Hà Hải Dương
 Khu Phố Quán Gỏi, xã Hưng Thịnh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương

- 
Nhà máy Sơn Hà Nghệ An
 Khu B, Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An
- 
Nhà máy Sơn Hà Bình Dương
 Khu phố Hoà Lân 1, TX Thuận An, phường Thuận Giao, tỉnh Bình Dương
- 
Nhà máy Sơn Hà Quảng Nam
 Lô 6, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

- **20.000** đại lý/ điểm bán theo nhận diện mới của Sơn Hà
- **80** nhà phân phối trải dài khắp các tỉnh thành
- **120** chi nhánh

THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

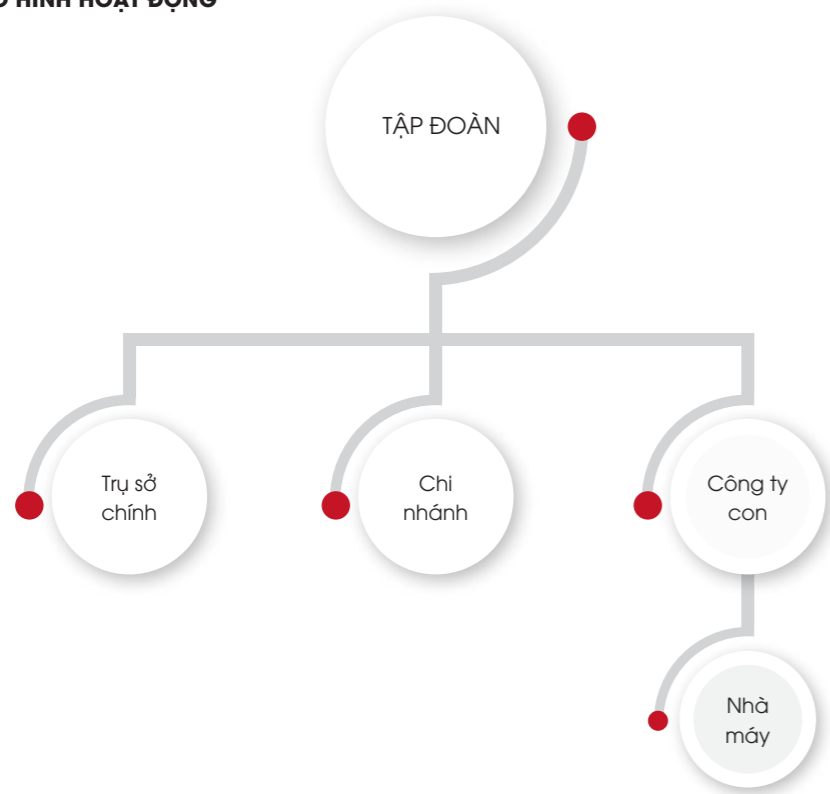
Không chỉ khẳng định vị trí trong nước, Sơn Hà còn vươn mình ra thế giới với những thành tích đáng tự hào:

- **01** nhà máy sản xuất tại Myanmar
- Xuất khẩu tới **32** quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới và được đón nhận tại nhiều thị trường khó tính bậc nhất như Bắc Âu, Mỹ, Canada...

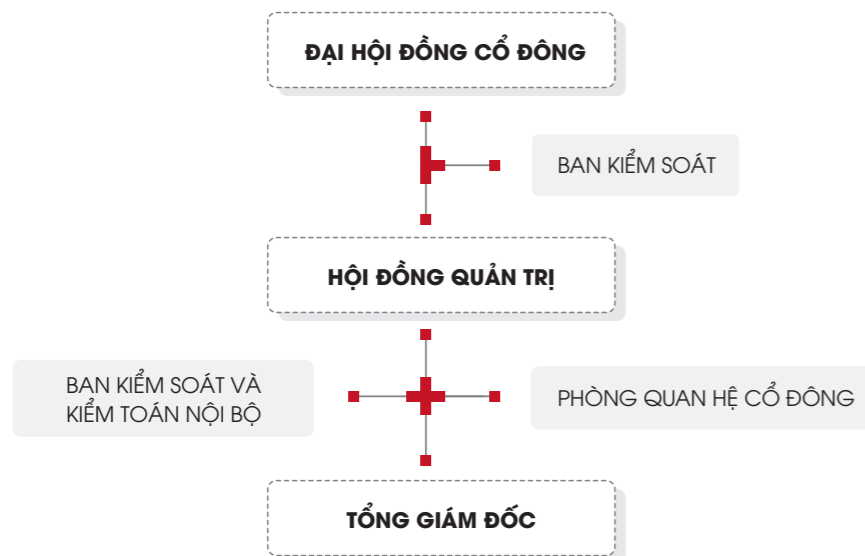
TỔ CHỨC BỘ MÁY

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

Tính đến thời điểm 31/12/2018, Sơn Hà có 12 công ty con và 02 công ty liên kết.

CÔNG TY CON

TT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	% SỞ HỮU
1	Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Sản xuất và gia công cơ khí các sản phẩm, đồ dùng bằng kim loại	100%
2	Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	Khu B Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng, kinh doanh các sản phẩm thiết bị nhà bếp	100%
3	CTCP Phát triển Năng lượng Sơn Hà	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Sản xuất các sản phẩm gia dụng	51,56%
4	Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Lô CN07, khu CN, đô thị Thuận Thành II, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất các sản phẩm thiết bị gia dụng	100%
5	Công ty TNHH MTV thiết bị nhà bếp Sơn Hà	Lô CN08, khu CN, đô thị Thuận Thành II, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất các sản phẩm thiết bị nhà bếp	100%
6	Công ty TNHH MTV Logistics Sơn Hà	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Dịch vụ vận tải	100%
7	Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Kinh doanh thương mại	51%
8	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển dự án Sơn Hà	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Quản lý và phát triển dự án	69%
9	Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Kinh doanh thương mại	100%
10	Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyển	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Sản xuất, dịch vụ	100%
11	Sonha Myanmar International Limited (*)	No.33/B Damaryone Street, Ward No.15, Bauktaw, Yankin Township, Yangon, Myanmar	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	55,13%
12	Công ty CP Sản xuất - Kinh doanh Toàn Mỹ	Khu phố Hòa Lân, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng, kinh doanh các sản phẩm thiết bị nhà bếp	99,78%

CÔNG TY LIÊN KẾT

TT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	% SỞ HỮU
13	Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	Số 8 Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Dịch vụ trò chơi trực tuyến và trò chơi điện tử, cho thuê mặt bằng kinh doanh	20,13%
14	Công ty CP Cấp Thoát Nước Lạng Sơn	Số 14/10 đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Cung cấp, phân phối nước sạch	20,15%

BAN LÃNH ĐẠO

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Lê Vinh Sơn

Chủ tịch HĐQT

Ông Lê Vinh Sơn là người sáng lập ra Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà từ những ngày đầu tiên.

Ngoài chức vụ công tác hiện nay là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty, ông còn là đại biểu HĐND Thành phố Hà Nội khóa XV nhiệm kỳ 2016 - 2021; Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam - Thành phố Hà Nội; Chủ tịch Chuyên đề Năng lượng sạch của Diễn đàn Kinh tế tư nhân Việt Nam.



Ông Lê Hoàng Hà

Phó Chủ tịch HĐQT

Ông Lê Hoàng Hà là người đồng sáng lập Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà.

Ngoài vị trí Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, ông còn là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (SHA); Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai và Chủ tịch Công ty TNHH MTV Công nghiệp Sơn Hà.



Ông Nguyễn Viết Hà

Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Viết Hà tốt nghiệp Kỹ sư cơ khí động lực, Đại học Nông nghiệp Praha Tiệp Khắc. Ông đã có nhiều năm kinh nghiệm quản lý trong các công ty đa quốc gia như Piaggio, Bluescope Building, Coca-Cola, Honda...



Bà Trần Kim Dung

Thành viên HĐQT

Bà Trần Kim Dung là người giàu kinh nghiệm trong quản lý, từng có quá trình công tác tại Bệnh viện VietSing. Hiện nay, bà đang giữ vị trí thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà.



Ông Đàm Quang Hùng

Thành viên HĐQT
(nối nhiệm kỳ ngày 27/04/2018)

Ông Đàm Quang Hùng tham gia công tác tại Sơn Hà từ những năm đầu thành lập. Hiện nay, ông đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Thường trực Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà.



Ông Phan Thế Ruệ

Thành viên độc lập HĐQT

Ông Phan Thế Ruệ là nhà quản lý kinh tế và chính khách Việt Nam; Nguyên Thứ trưởng Thường trực Bộ Thương mại; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn, Trưởng đoàn đàm phán hiệp định đối tác chiến lược Việt Nam - Nhật Bản VJEPA, Phó Ban Kinh tế kiêm nhiệm Ban Kiểm tra Trung Ương.

Sau khi nghỉ hưu đến nay, ông sáng lập và là Chủ tịch đầu tiên của Hiệp hội các Nhà bán lẻ Việt Nam, Chủ tịch Hiệp hội Xăng dầu Việt Nam, Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà.



Ông Vi Công Khanh

Thành viên độc lập HĐQT

Ông Vi Công Khanh đang giữ chức vụ Ủy viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà.

Trước đây, ông đã từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Văn phòng Chính phủ.

BAN LÃNH ĐẠO

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC



Ông Lê Vinh Sơn

Tổng Giám đốc

(miễn nhiệm từ ngày 01/03/2019)

Ông Lê Vinh Sơn là người sáng lập ra Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà từ những ngày đầu tiên. Ngoài chức vụ công tác hiện nay là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty, ông còn là đại biểu HĐND Thành phố Hà Nội khóa XV nhiệm kỳ 2016 - 2021; Phó chủ tịch hội Doanh nhân trẻ Việt Nam; Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam - Thành phố Hà Nội; Chủ tịch Chuyên đề Năng lượng sạch của Diễn đàn Kinh tế tư nhân Việt Nam.



Bà Trần Kim Dung

Phó Tổng Giám đốc

Bà Trần Kim Dung là người giàu kinh nghiệm trong quản lý, từng có quá trình công tác tại Bệnh viện VietSing. Hiện nay, bà đang giữ vị trí thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà.



Bà Trịnh Thị Khanh

Phó Tổng Giám đốc

(miễn nhiệm từ ngày 01/03/2019)

Bà Trịnh Thị Khanh gia nhập Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà năm 2014 với chức vụ Giám đốc Mua hàng. Đến năm 2015 bà được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc điều hành tại công ty. Ngoài ra, bà còn giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Hiway Việt Nam.

Bà có hơn 30 năm kinh nghiệm trong công tác quản lý tại các công ty: Công ty Cổ phần Vận tải Dịch vụ Hàng hóa, Tổng công ty Thương mại Hà Nội (Hapro)...



Ông Nguyễn Viết Hà

Phó Tổng Giám đốc

(bổ nhiệm Tổng Giám đốc từ ngày 01/03/2019)

Ông Nguyễn Viết Hà tốt nghiệp Kỹ sư cơ khí động lực, Đại học Nông nghiệp Praha Tiệp Khắc. Ông đã có nhiều năm kinh nghiệm quản lý trong các công ty đa quốc gia như Piaggio, Bluescope Building, Coca - Cola, Honda...



Ông Đàm Quang Hùng

Phó Tổng Giám đốc

Ông Đàm Quang Hùng tham gia công tác tại Sơn Hà từ những năm đầu thành lập. Hiện nay, ông đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Thường trực Công Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, Chủ tịch Công đoàn Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà.



Ông Nguyễn Văn Lương

Kế toán trưởng

(miễn nhiệm từ ngày 15/01/2019)

Ông Nguyễn Văn Lương là người tham gia công tác tại Sơn Hà nhiều năm và được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng Sơn Hà. Trước đó, ông đã đảm nhiệm vị trí Giám đốc Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy

Trưởng Ban

Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành Tài chính Ngân hàng.

Từng có kinh nghiệm công tác tại Sở Tài chính Lạng Sơn, Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Công ty CP Đầu tư IDJ Việt Nam...



Ông Nguyễn Văn Quyết

Thành viên

Thạc sỹ Luật/Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm

Từng có kinh nghiệm công tác tại ĐH Tài chính Kế toán Hà Nội, Học viện Tài chính, Công ty CP Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp...



Bà Lê Khánh Linh

Thành viên

Cử nhân Học viện Tài chính Hà Nội

Từng có kinh nghiệm công tác tại Ngân hàng TMCP Nam Á, Ngân hàng TMCP Đại Dương, Công ty Amisu Việt Nam...

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN



Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2019

.01

Sản phẩm

Định vị các dòng sản phẩm

- Sản phẩm chủ đạo: bồn chứa nước inox, bồn chứa nước nhựa, Thái dương năng, bình nước nóng, chậu rửa, máy lọc nước RO, bể lắp ghép inox công nghiệp, ống inox
- Sản phẩm mũi nhọn: bể phốt thông minh Septic, bể chứa nước ngầm cao cấp, lọc tổng, sen vòi, bếp từ và hút mùi
- Sản phẩm mới: Lọc nước công nghệ Nagaoka, bể Jokasho, điện Roof Top, Heat Pump, Bình nước nóng trực tiếp
- Tăng cường hoạt động nghiên cứu thị trường

.02

Thị trường

Xây dựng hệ sinh thái Sơn Hà

- Xuất khẩu: Tiếp tục phát triển thị trường ống thép, nghiên cứu và khai thác thị trường hàng gia dụng
- Mở rộng và củng cố thị trường nội địa cho ống thép
- Tái cấu trúc lại SHM với mục tiêu phát triển trong năm 2019
- Tinh chỉnh hệ thống bán hàng của SHT/SHV/TM1+2+3

.03

Marketing

Tập trung ở nhóm sản phẩm mũi nhọn, đầu tư mạng lưới hợp tác kỹ thuật cho mảng sản phẩm mới (xây dựng quan hệ với các nhà đầu tư, nhà thầu, tư vấn thiết kế)

.04

Đào tạo

Nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp cho cán bộ lãnh đạo; nâng cao kỹ năng nghề nghiệp khối chuyên môn

.05

Quản lý nhà thầu/nhà cung cấp

Gia tăng công tác đánh giá - lựa chọn - quản lý giá - chất lượng - dịch vụ - thời gian

.06

Áp dụng Lean

Nâng cấp mức độ áp dụng Lean tại Bắc Ninh & Phùng, đào tạo và triển khai Lean tại SHV/TM1+2, áp dụng 3S & 5S tại SHM

.07

Tinh giản cấu trúc bộ máy

Tách và sát nhập các công ty thành viên/phòng ban phù hợp



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Tiếp tục kế hoạch tái cơ cấu thông qua việc hoàn thiện mô hình tổ chức, cụ thể:

- Gia tăng đầu tư vào lĩnh vực mới như cung cấp nước và năng lượng tái tạo
- Đẩy mạnh hoạt động của Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển để không ngừng đưa ra các sản phẩm mới được cải tiến về tính năng và thiết kế
- Tăng cường công tác giám sát thông qua hoạt động kiểm toán và kiểm soát nội bộ, giảm rủi ro về tài chính và hoạt động
- Xây dựng và triển khai phần mềm quản lý nguồn lực của toàn Công ty
- Nâng cao quyền lợi cho cổ đông góp vốn

Các mục tiêu phát triển bền vững

- Phát triển các sản phẩm có hiệu năng cao, thân thiện với môi trường phù hợp với nhu cầu và khả năng của người tiêu dùng
- Ứng dụng tiến bộ công nghệ thân thiện với môi trường trong quá trình sản xuất
- Tạo lập môi trường sản xuất, kinh doanh năng động, thúc đẩy phát triển năng lực cá nhân và tương tác giữa các cá nhân để hình thành đội ngũ lao động có chuyên môn vững, tinh thần hợp tác
- Xây dựng mô hình doanh nghiệp hoạt động hiệu quả về mặt kinh tế, có trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và cộng đồng



PHẦN III

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH NĂM 2018 VÀ
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2019

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

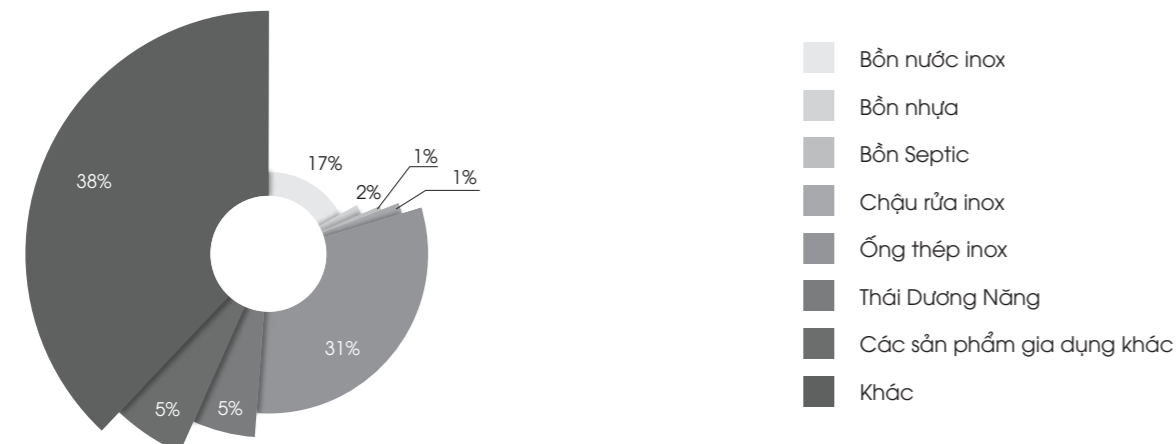
Kết quả thực hiện trong năm như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	%
1	Doanh thu (tỷ đồng)	4.100	4.485,9	109,4%
2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ (tỷ đồng)	120	103,1	85,9%
3	Cổ tức	10% mệnh giá	-	-

Về chỉ tiêu doanh thu, Công ty đã vượt mức kế hoạch là 109,4%, mức lợi nhuận bằng 85,9% kế hoạch là do các nguyên nhân như sau: doanh thu thuần tăng 20,2% và giá vốn hàng bán tăng 26,5% so với cùng kỳ năm trước dẫn đến tỉ suất lợi nhuận giảm từ 4,2% xuống 3,3% mà nguyên nhân chính là: (i) Giá nguyên liệu chính là thép inox nguyên liệu (chiếm giá trị từ 70-80% giá thành sản phẩm) tăng; (ii) Tăng đầu tư vào tài sản cố định 191 tỷ, tăng vay ngắn và dài hạn làm chi phí lãi vay tăng gần 20 tỉ so với năm trước; (iii) Chi phí bán hàng tăng 63 tỷ, đồng thời chi phí quản lý tăng 45 tỷ.

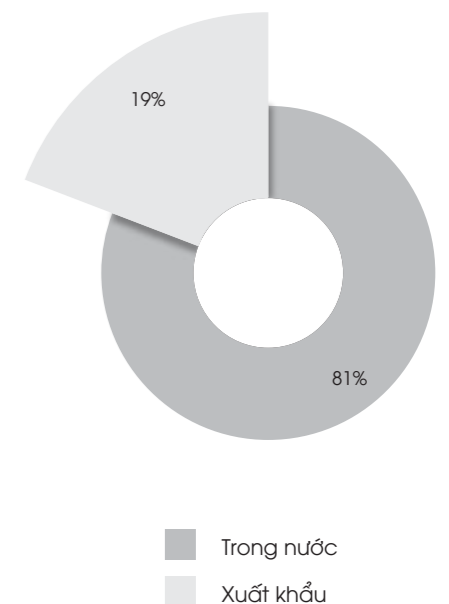
Cơ cấu doanh thu, lợi nhuận theo sản phẩm năm 2018

Sản phẩm	ĐVT	Sản lượng	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lợi nhuận gộp
Bồn nước inox	Cái	282.992	749.926.689.596	510.479.242.207	239.447.447.389
Bồn nhựa	Cái	53.914	78.055.556.323	53.275.992.497	24.779.563.827
Bồn septic	Cái	6.151	19.174.774.149	12.620.644.603	6.554.129.546
Chậu rửa inox	Cái	115.926	57.040.303.990	42.797.799.088	14.242.504.902
Ống thép inox	Kg	26.149.171	1.393.334.381.406	1.263.732.290.133	129.602.091.273
Thái Dương Năng	Bộ	66.896	232.242.893.576	173.168.269.567	59.074.624.009
Các sản phẩm gia dụng khác			238.505.714.064	184.509.649.676	53.996.064.388
Khác			1.717.642.678.101	1.662.471.760.939	55.170.917.162
Tổng cộng			4.485.922.991.206	3.903.055.648.711	582.867.342.495



Cơ cấu doanh thu theo thị trường

Thị trường	ĐVT	Sản lượng	Doanh thu
Trong nước			3.640.520.839.262
Miền Bắc			3.071.557.002.254
Miền Trung			435.015.964.068
Miền Nam			133.947.872.940
Xuất khẩu			845.402.151.944
Ấn Độ	Kg	12.395.954	741.043.620.321
Brasil	Kg	25.101	1.410.812.799
Ả rập	Kg	316.277	17.278.806.987
Đài Loan	Kg	495.463	32.057.358.643
Thổ Nhĩ Kỳ	Kg	231.203	14.200.794.244
Myama	Kg		16.341.297.218
UAE	Kg	21.516	1.644.429.937
Singapore	Kg	150.628	8.555.105.376
Ukraina	Kg	50.630	2.895.186.727
Istanbul	Kg	117.081	7.381.281.162
Srilanka		21.722	1.271.088.344
Lào			1.322.370.186
Tổng cộng			4.485.922.991.206



Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Năm 2018, Công ty tiếp tục thực hiện tối ưu hóa bộ máy quản lý, giảm xung đột giữa các kênh bán hàng, mở rộng thị trường nội địa đối với ống inox, nghiên cứu các dòng sản phẩm mới, hoàn thành các thủ tục pháp lý sáp nhập Công ty Cổ phần Sản xuất-Kinh doanh Toàn Mỹ - một thương hiệu bồn nước lâu đời có thị phần lớn ở các tỉnh khu vực phía Nam.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Tình hình tài chính

Tóm tắt báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018

STT	Chỉ tiêu	2018	2017
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.485,9	3.560,1
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	128,3	130,4
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	108,1	105,5
	Trong đó: lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	103,1	99,9
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	1.443	1.418
5	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	3.529,5	2.977,4
5.1	Tài sản ngắn hạn	2.563,5	2.190,4
	Phải thu ngắn hạn	1.275,2	999,3
	Hàng tồn kho	1.003,1	977,9
5.2	Tài sản dài hạn	966,0	787,0
6	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	3.529,5	2.977,4
6.1	Nợ phải trả	2.413,2	2.060,5
	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.593,3	1.321,7
	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	304,1	281,5
6.2	Nguồn vốn chủ sở hữu	1.116,3	916,9
6.3	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	52,8	30,3
7	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	99,3	(298,3)
8	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(233,1)	(177,4)
9	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	197,8	524,9
10	Tiền và tương đương tiền cuối năm	181,0	117,0

Đánh giá chung

Chỉ tiêu doanh thu thuần hợp nhất và lợi nhuận sau thuế đều tăng so với cùng kỳ năm trước, theo tỉ lệ tương ứng là 26% và 2,5%. Tổng tài sản tăng, tỉ lệ nợ/vốn chủ sở hữu giảm nhẹ so với năm trước theo tỉ lệ tương ứng là 18,5% và 6%. Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh dương, từ hoạt động đầu tư âm, hoạt động tài chính giảm hơn so với cùng kỳ năm trước.

- Doanh thu hợp nhất tăng 26,0% đạt mức 4.485,9 tỷ đồng so với 3.560,1 tỷ đồng năm 2017. Lợi nhuận hợp nhất sau thuế tăng 2,5% đạt mức 108,1 tỷ đồng so với 105,5 tỷ đồng năm 2017.
- Tổng tài sản: tăng 17,0% đạt mức 3.529,5 tỷ đồng so với mức 2.977,4 tỷ đồng năm 2017. Nợ phải trả tăng 17,1% đạt mức 2.413,2 tỷ đồng so với mức 2.060,5 tỷ đồng năm 2017. Vốn chủ sở hữu tăng 21,7% lên mức 1.116,3 tỷ đồng so với mức 916,9 tỷ đồng năm 2017.
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng: tăng 27,6% lên mức 1.275,2 tỷ đồng so với mức 999,3 tỷ đồng năm 2017.
- Hàng tồn kho: tăng 2,6% lên mức 1.003,1 tỷ đồng so với mức 977,9 tỷ đồng năm 2017.
- Tình hình nợ phải trả: Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng 20,5% lên mức 1.593,3 tỷ đồng so với mức 1.321,7 tỷ đồng năm 2017. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn tăng 8,0% ở mức 304,1 tỷ đồng so với mức 281,5 tỷ đồng năm 2017.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm tiếp tục điều chỉnh mô hình công ty mẹ công ty con mà trong đó Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà đóng vai trò là công ty mẹ. Song song với xác định mô hình tổ chức, các chính sách quản lý cũng thay đổi qua việc phân quyền ở các bộ phận chức năng của công ty mẹ và công ty thành viên, xác lập mối quan hệ giữa bộ phận chức năng của công ty mẹ với các công ty con cũng như quyền hạn, nhiệm vụ của từng vị trí trong các bộ phận chức năng.

Kế hoạch phát triển năm 2019

- Hoạt động tái cấu trúc: tối ưu hóa bộ máy quản lý nhằm tiết giảm chi phí sản xuất, giảm thiểu rủi ro và xung đột giữa các kênh bán hàng
- Thị trường: mở rộng thị trường ống inox với thương hiệu Toàn Mỹ cho thị trường nội địa
- Nâng cao năng lực sản xuất: áp dụng thành công 3S lên 5S, tạo tiền đề Kaizen, đưa robot vào sản xuất chân bồn inox, cổ liến thân bồn, năng suất lao động tăng từ 10-15%
- Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới: nghiên cứu và đưa vào sản xuất kinh doanh các dòng lọc tổng, bể nước ngầm, sen vòi từng bước hoàn thiện hệ sinh thái Sơn Hà
- Phát triển các ngành mới: nghiên cứu và hợp tác đưa vào sản xuất kinh doanh hệ thống năng lượng mặt trời mái nhà, đầu tư xây dựng trạm xử lý nước Dương Nội, mạng lưới cấp nước cho 2 xã Vân Côn, An Thượng thuộc huyện Hoài Đức, hợp tác kinh doanh trong các ngành logistic và thương mại điện tử



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2018

Trong năm 2018, một số các khoản đầu tư lớn của công ty được thực hiện như sau:

Khoản mục	Số tiền	Nội dung
Mua sắm TSCĐ	116 tỷ đồng	Mua sắm mới tài sản cố định
Đầu tư XD CB	108 tỷ đồng	Chi phí XD CB dở dang phát sinh trong kỳ

Kết quả thực hiện năm 2018

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.485,9
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	128,3
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	108,1
	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	103,1
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	1.443
5	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (31/12/2018)	3.529,5
5.1	Tài sản ngắn hạn	2.563,5
5.2	Tài sản dài hạn	966,0
6	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (31/12/2018)	3.529,5
6.1	Nợ phải trả	2.413,2
6.2	Nguồn vốn chủ sở hữu	1.116,3

So với kế hoạch đề ra

STT	Chỉ tiêu	KH	TH	%
1	Doanh thu (tỷ đồng)	4.100	4.485,9	109,4%
2	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	120	103,1	85,9%
3	Cổ tức	10% mệnh giá	-	-

Như vậy, so với kế hoạch, chỉ tiêu doanh thu thực hiện đạt 109,4% so với kế hoạch, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ đạt 85,9% và cổ tức đã thực hiện chốt quyền tạm ứng (bằng tiền mặt) 30% kế hoạch năm, phần còn lại sẽ được thực hiện sau kỳ ĐHCĐ thường niên 2019 theo quy định.

Thù lao của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Số tiền (VND)	Ghi chú
1	Lê Vinh Sơn	123.552.000	
2	Lê Hoàng Hà	46.332.000	
3	Nguyễn Việt Hà	31.274.100	Đảm nhận chức vụ từ 27/04/2018
4	Trần Kim Dung	46.332.000	
5	Phan Thế Ruệ	46.332.000	
6	Ví Công Khanh	46.332.000	
7	Đàm Quang Hùng	15.057.900	Không đảm nhận chức vụ từ 27/04/2018
	TỔNG CỘNG	355.212.000	

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	2017	2018	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản (tỷ đồng)	2.977,4	3.529,5	18,5%
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	3.560,1	4.485,9	26,0%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (tỷ đồng)	136,7	128,2	-6,4%
Lợi nhuận khác (tỷ đồng)	(6,3)	0,1	101%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	130,4	128,3	-1,6%
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ (tỷ đồng)	99,9	103,1	3,2%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/Tổng lợi nhuận (%)	64%	83%	

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	2018	2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,2	1,2
Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,7	0,7
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản (lần)	0,7	0,7
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	2,2	2,3
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho (lần)	3,9	3,4
Doanh thu thuần/Tổng TS (lần)	1,3	1,2
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Tỉ suất lợi nhuận gộp (%)	13,0	15,3
Hệ số LNST/Doanh thu thuần (%)	2,4	3,0
Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu-ROE (%)	9,7	11,7
Hệ số LNST/Tổng tài sản-ROA (%)	3,1	3,6
Hệ số LN HKD/Doanh thu thuần (%)	2,9	4,6
EBIT/Doanh thu thuần (%)	5,4	6,2
EBITDA/Doanh thu thuần (%)	7,7	7,3

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2019

- Tiếp tục kế hoạch tái cơ cấu thông qua việc hoàn thiện mô hình tổ chức
- Gia tăng đầu tư vào lĩnh vực mới như cung cấp nước và năng lượng tái tạo
- Đẩy mạnh hoạt động của Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển để không ngừng đưa các sản phẩm mới được cải tiến về tính năng và thiết kế
- Tăng cường công tác giám sát thông qua hoạt động kiểm toán và kiểm soát nội bộ, giảm rủi ro về tài chính và hoạt động
- Xây dựng và triển khai phần mềm quản lý nguồn lực của toàn Công ty
- Nâng cao quyền lợi cho cổ đông góp vốn



PHẦN IV
BÁO CÁO QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

■ Các hoạt động trong năm 2018

- Triệu tập và tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018
- Họp và thẩm định Báo cáo tài chính năm 2017, báo cáo hàng quý năm 2018
- Thực hiện chi trả cổ tức năm 2017
- Thông qua giao dịch với các bên liên quan
- Thực hiện phương án phát hành cổ phần để hoán đổi
- Thực hiện các hoạt động giám sát khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị đối với Ban Điều hành và các cán bộ quản lý

■ Các quyết định của Hội đồng quản trị

Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
02/2018/NQ-HĐQT	22/02/2018	Triệu tập ĐHĐCĐ thường niên 2018
24/2018/NQ-HĐQT	28/02/2018	Miễn nhiệm Phó TGD
03/2018/NQ-HĐQT	01/03/2018	Tạm ứng cổ tức 2017 bằng tiền
04/2018/NQ-HĐQT	08/03/2018	Miễn nhiệm và bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc
06/2018/NQ-HĐQT	09/04/2018	Thông báo thời gian và địa điểm tổ chức, thông qua tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2018
07/2018/NQ-HĐQT	23/04/2018	Tăng vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam
08/2018/NQ-HĐQT	03/05/2018	Bầu các chức danh HĐQT, bổ nhiệm TGD và phân công công việc trong HĐQT
09/2018/NQ-HĐQT	04/05/2018	Triển khai chi trả cổ tức 2017
10/2018/NQ-HĐQT	18/05/2018	Tăng vốn tại Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà
11/QĐ-HĐQT	29/05/2018	Thông qua chi tiết phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ
13/2018/NQ-HĐQT	25/06/2018	Sửa đổi điều lệ
14/2018/NQ-HĐQT	29/06/2018	Lựa chọn tổ chức kiểm toán
17/2018/NQ-HĐQT	30/07/2018	Thông qua tổng hạn mức vay vốn ngân hàng
19/2018/NQ-HĐQT	17/09/2018	Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích thưởng cho cán bộ nhân viên của SSP

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

■ Kết quả giám sát hoạt động năm 2018

Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tình hình tài chính của Công ty

Ban kiểm soát đã tiến hành rà soát tình hình hoạt động của Công ty, xem xét báo cáo tài chính, tổ chức họp cùng Ban Tổng Giám đốc, bộ phận tài chính, tổ chức kiểm toán. Qua đó, Ban kiểm soát đưa ra nhận xét đồng ý về cơ bản với các báo cáo về tình hình hoạt động và tình hình tài chính của Công ty do Ban Tổng Giám đốc và tổ chức kiểm toán đã đưa ra.

Các hoạt động của Công ty đã tuân thủ yêu cầu quy định trong hệ thống quản trị nội bộ. Việc kiểm soát, rà soát quá trình hoạt động và tình hình tài chính được thực hiện nghiêm túc, kịp thời phát hiện vấn đề và có các giải pháp phù hợp.

Kết quả giám sát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

Về hoạt động của Hội đồng quản trị

Các hoạt động chủ yếu của Hội đồng quản trị trong năm 2018:

- Hội đồng quản trị tiếp tục tái cơ cấu tổ chức theo mô hình công ty mẹ - công ty con với việc cơ cấu lại tổ chức quản lý của các công ty con, hoàn tất các thủ tục hoán đổi cổ phần với Công ty Cổ phần Sản xuất-Kinh doanh Toàn Mỹ dẫn đến việc sở hữu 99,78% cổ phần của Toàn Mỹ
- Tăng vốn điều lệ lên hơn 850 tỷ đồng
- Thực hiện phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức 2018 bằng tiền và cổ phiếu theo đúng nghị quyết – Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 đã phê duyệt
- Xác lập các nguyên tắc quan hệ giữa các công ty trong nhóm công ty Sơn Hà
- Hội đồng quản trị đã ra quyết định phân công công việc trong các thành viên sau khi được bầu tại Đại hội cổ đông thường niên, bổ nhiệm lại chức danh Tổng Giám đốc, thay đổi chức danh Phó Tổng Giám đốc
- Quyết định tăng vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam và tăng góp vốn tại Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (SHE) đồng thời thông qua chủ trương niêm yết SHE tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Ngoài ra còn các quyết định liên quan đến việc vay vốn tín dụng từ các ngân hàng thương mại để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các quyết định đều tuân thủ theo đúng quy trình, thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị Công ty.

Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Năm 2018, trên cơ sở định hướng chiến lược của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã quyết liệt trong chỉ đạo tổ chức và đạt được những kết quả rất quan trọng. Một số kết quả hoạt động theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty trong năm 2018 như sau:

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Cơ cấu tài sản, nguồn vốn		Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	So sánh	
STT	Nội dung	(31/12/2018)	(01/01/2018)	Tỷ lệ trên tổng TS	Tỷ lệ trên tổng TS	tăng/ giảm	2018-2017
1	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	3,529,523,347,222	2,977,425,514,260				
1.1	Tài sản ngắn hạn	2,563,546,927,483	2,190,421,156,046	72.63%	73.57%	-0.94%	
1.2	Tài sản dài hạn	965,976,419,739	787,004,358,214	27.37%	26.43%	0.94%	
2	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	3,529,523,347,222	2,977,425,514,260				
2.1	Nợ phải trả	2,413,253,334,268	2,060,522,111,759	68.37%	69.20%	-0.83%	
2.2	Nguồn vốn chủ sở hữu	1,116,270,012,954	916,903,402,501	31.63%	30.80%	0.83%	

Tỷ lệ tài sản dài hạn tăng lên và tài sản ngắn hạn đã giảm đi 0,94% so với cuối năm 2017. Tỷ lệ nợ phải trả giảm đi và vốn chủ đã tăng lên 0,83% so với cuối năm 2017. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn hợp lý, khả năng tự tài trợ của Công ty đã tăng hơn so với 2017.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	So sánh với Doanh thu		So sánh tăng/giảm của 2018 - 2017	
				Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4,658,360,150,402	3,731,363,469,852	926,996,680,550	24.8		
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	172,437,159,196	171,276,182,672	3.70%	4.59%	1,160,976,524	0.7
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4,485,922,991,206	3,560,087,287,180	96.3%	95.4%	925,835,704,026	26.0
4.	Giá vốn hàng bán	3,903,055,648,711	3,086,124,159,463	87.01%	86.69%	816,931,489,248	26.5
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	582,867,342,495	473,963,127,717	12.99%	13.31%	108,904,214,778	23.0
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	27,601,760,882	11,968,704,461			15,633,056,421	130.6
7.	Chi phí tài chính	128,564,555,130	123,147,981,117			5,416,574,013	4.4
	Trong đó: chi phí lãi vay	112,918,878,256	91,196,199,702	87.83%	74.05%	21,722,678,554	23.8
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	(4,117,023,379)	5,258,428,031			(9,375,451,410)	-178.3
9.	Chi phí bán hàng	233,300,093,832	159,961,216,897	5.20%	4.49%	73,338,876,935	45.8
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	116,303,232,955	71,422,818,260	2.59%	2.01%	44,880,414,695	62.8

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	So sánh với Doanh thu		So sánh tăng/giảm của 2018 - 2017	
				Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	128,184,198,081	136,658,243,935	2.86%	3.84%	(8,474,045,854)	-6.2
12.	Thu nhập khác	7,953,216,907	6,246,733,878			1,706,483,029	27.3
13.	Chi phí khác	7,815,573,487	12,503,351,760			(4,687,778,273)	-37.5
14.	Lợi nhuận khác	137,643,420	(6,256,617,882)			6,394,261,302	-102.2
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	128,321,841,501	130,401,626,053	2.86%	3.66%	(2,079,784,552)	-1.6
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20,188,154,507	25,698,229,281			(5,510,074,774)	-21.4
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	(752,753,654)			752,753,654	-100.0
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	108,133,686,994	105,456,150,426	2.41%	2.96%	2,677,536,568	2.5
19.	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	103,108,452,251	99,944,808,429			3,163,643,822	3.2
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	5,025,234,743	5,511,341,997			(486,107,254)	-8.8
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,443	1,418				
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1,443	1,418				

Đơn vị tính: đồng

Theo báo cáo hợp nhất kiểm toán năm 2018, lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty là 103,1 tỷ đồng giảm 2,5% so với năm 2017. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2017 là 1.443 đồng/cổ phiếu, tăng 25 đồng/1 cổ phiếu với năm 2017 (năm 2017 lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 1.418 đồng/cổ phiếu).

Một số nguyên nhân chính

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: đạt 4.858 tỷ đồng, tăng 24,8% so với năm 2017 (3.731 tỷ đồng).
- Doanh thu hoạt động tài chính: năm nay đạt 27,6 tỷ, tăng 130,6% tương ứng 15 tỷ đồng so với năm 2017 (là 11,9 tỷ), nguyên nhân chính là lãi từ thoái vốn công ty con là 13,8 tỷ.
- Giá vốn hàng bán:
 - Doanh thu thuần năm nay tăng 26,0% so với năm 2017, trong khi đó giá vốn hàng bán tăng 26,5%. Tỷ lệ tăng của giá vốn cao hơn tỷ lệ tăng của doanh thu là do giá nguyên vật liệu đầu vào tăng.
 - Tỷ suất giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần năm 2018 là 87,01%, năm 2017 là 86,69%, tuy nhiên lãi gộp (GP) thì lại tăng 108,9 tỷ đồng so với năm 2017, tương ứng 23%.
- Chi phí tài chính tăng 4,4% tương ứng 5,4 tỷ đồng nguyên nhân chủ yếu là do tăng chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Chi phí bán hàng: tăng 45,8% so với năm trước, tương ứng tăng 73,3 tỷ đồng chủ yếu là do tăng các chi phí liên quan đến vận chuyển, chi phí xuất khẩu tăng lên 40 tỷ, chi phí nhân viên tăng lên 12,5 tỷ, chi phí bảo hành tăng lên 7,7 tỷ, chi phí khác tăng lên 18 tỷ.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng lên 62,8% tương ứng 44,8 tỷ đồng là do tăng chi phí nhân viên tăng 17 tỷ, chi phí khác tăng 13 tỷ, chi phí mở LC tăng 2 tỷ, chi phí mua ngoài tăng 2,5 tỷ.
- Chi phí khác: giảm 37,5%, tương ứng với 4,6 tỷ đồng nguyên nhân chủ yếu là do năm trước phát sinh khoản lỗ nhượng bán tài sản.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018

STT	Nội dung	Năm nay	Năm trước
I	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	99,322,043,375	-298,274,042,474
II	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	-233,098,154,293	-177,394,629,502
III	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	197,787,629,930	524,908,047,354
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	64,011,519,012	49,239,375,378
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	117,082,644,677	67,863,672,645
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-73,249,624	-20,403,346
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	181,020,914,065	117,082,644,677

So với năm 2017 các chỉ tiêu về dòng tiền đã tốt hơn, lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh đã dương đủ bù đắp một phần cho hoạt động đầu tư. Trong năm 2018 dòng tiền từ hoạt động tài chính đã kiểm soát tốt hơn.

Một số chỉ tiêu tài chính

- Khả năng thanh toán
Khả năng thanh toán hiện thời giảm so với năm 2017 nhưng khả năng thanh toán nhanh của Tập đoàn lại tăng. Bên cạnh đó tỷ lệ khả năng thanh toán vẫn trong hạn mức cho phép, Công ty vẫn đáp ứng được nhu cầu vốn trong thanh toán.
- Chỉ tiêu khả năng sinh lời
Tỷ suất lợi nhuận ROA, ROE và ROS đều giảm so với năm 2017, tuy tỷ lệ tương đối nhỏ nhưng cũng chứng tỏ hiệu suất năm 2018 không vượt qua được năm 2017.
- Chỉ tiêu đánh giá sử dụng hiệu quả các nguồn vốn của Công ty
Nhóm chỉ tiêu này tăng hơn so với năm 2017 cho thấy trong năm 2018 Công ty đã sử dụng vốn hiệu quả hơn và cơ cấu vốn cũng đã cải tiến hơn.

Kiến nghị của Ban Kiểm soát

- Kiểm soát các khoản phải thu: Các khoản phải thu cuối năm 2018 chiếm 36,8% tổng tài sản của Công ty tăng lên 2,57% so với tỷ lệ này thời điểm đầu năm.
- Kiểm soát chi phí: Công ty phải có kế hoạch kiểm soát chi phí. Với chi phí cấu thành nên giá vốn, tìm các nguồn hàng giá rẻ phù hợp. Với chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phải tiết kiệm trên cơ sở rà soát lại cơ cấu nhân sự, lên phương án ngân sách các khoản chi phí và bám sát ngân sách đầu năm tránh hiện tượng tăng các chi phí bất thường trong năm.
- Bộ phận Tài chính bám sát thị trường hơn nữa, nhằm giảm tối đa lỗ tỷ giá từ hoạt động thường xuyên nhập nguyên vật liệu từ nước ngoài.
- Có kế hoạch cơ cấu lại nguồn: Trong cơ cấu nguồn vốn của Công ty trên báo cáo tài chính hợp nhất, nợ phải trả luôn ở mức cao so với vốn chủ sở hữu. Tại thời điểm 31/12/2018, nợ phải trả gấp 2.1 lần vốn chủ sở hữu, trong đó nợ ngắn hạn chiếm 87,37% nợ phải trả cho thấy hoạt động của Công ty phụ thuộc nhiều vào vốn vay ngân hàng,

chủ yếu là vốn vay ngắn hạn. Điều này làm phát sinh vấn đề về rủi ro thanh khoản, rủi ro trong việc đảm bảo ổn định nguồn vốn hoạt động lâu dài cho Công ty và phát sinh tăng chi phí tài chính. Ban kiểm soát đề nghị Ban Tổng Giám đốc lưu ý tới vấn đề này trong quá trình hoạt động.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông

- Ban Kiểm soát đã tiếp cận, rà soát một cách độc lập, khách quan các thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động và các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.
- Ban Kiểm soát cũng được cung cấp một cách tương đối đầy đủ các tài liệu liên quan. Đồng thời, Ban kiểm soát vẫn luôn giữ liên hệ với các cổ đông, tiếp thu ý kiến phản hồi của các cổ đông

Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018

Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các Báo cáo tài chính năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) là đơn vị đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty niêm yết.

Ý kiến của kiểm toán viên về Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty: "Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018".

Ban kiểm soát đã xem xét, Báo cáo tài chính năm 2018, báo cáo thể hiện tương đối đầy đủ, rõ ràng, phản ánh khá trung thực tình hình tài chính của Công ty.

Triển khai một số nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Hội đồng quản trị

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành
1	Doanh thu thuần (tỷ đồng)	4,100	4,485	109,4%
2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ (tỷ đồng)	120	103	85,8%
3	Cổ tức (đồng)	10% mệnh giá		

Năm 2018 doanh thu thuần đạt 4,485.9 tỷ đồng so với kế hoạch là 4,100 tỷ đồng, đạt 109,4%. Lợi nhuận sau thuế TNDN đạt 103 tỷ đồng so với kế hoạch là 120 tỷ đồng, đạt 85,8%.

Chi trả thù lao cho Ban Kiểm soát

Thù lao của Ban kiểm soát được thực hiện theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018. Thù lao thực nhận của các thành viên phụ thuộc vào thời gian đảm đương chức danh trong năm.

Họ tên thành viên	Chức danh	Thù lao (đồng)
Nguyễn Thị Thanh Thúy	Trưởng ban	32,400,000
Nguyễn Văn Quyết	Thành viên	16,200,000
Lê Khánh Linh	Thành viên	16,200,000
TỔNG CỘNG		64,800,000

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

■ Lựa chọn công ty kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2018 được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn (A&C) kiểm toán. Công ty A&C nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận.

Như những năm trước đây Ban Kiểm soát đã có ý kiến, Công ty A&C đã tham gia kiểm toán cho Công ty CP Quốc tế Sơn Hà từ năm 2008 vì vậy đề nghị HĐQT cân nhắc việc thay đổi Công ty kiểm toán để đảm bảo tính khách quan trong việc kiểm toán báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam (SSP) và Công ty cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà (SHE) được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

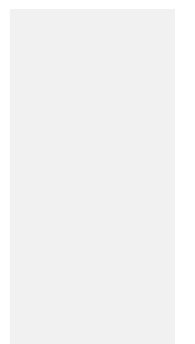
■ Kế hoạch hoạt động năm 2019 của Ban Kiểm soát

Năm 2019 là năm Công ty tiếp tục hoàn thiện tái cơ cấu theo mô hình tổ chức. Theo đó, thường xuyên rà soát và sắp xếp lại các bộ phận chức năng, hệ thống công ty thành viên nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động. Nâng cao năng lực cạnh tranh, xác lập vị thế cao của Công ty trong từng lĩnh vực tham gia kinh doanh. Tìm kiếm các cơ hội kinh doanh ở các ngành nghề liên quan trong chuỗi giá trị, mở rộng xoay quanh ngành nghề cốt lõi thông qua nhiều cách thức từ đầu tư mới, đầu tư mở rộng tới mua bán sáp nhập. Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp thông qua áp dụng các chuẩn mực tốt hơn trong quản trị doanh nghiệp theo hướng nâng cao tính chịu trách nhiệm, hành động vì lợi ích của Công ty, thúc đẩy quan hệ với khách hàng, nhà cung cấp và các bên liên quan khác, tạo ảnh hưởng tích cực đến cộng đồng và môi trường, nâng cao uy tín và ứng xử công bằng với các bên liên quan.

Năm 2019, Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục phát huy vai trò của mình với nhiệm vụ giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc theo đúng thẩm quyền và trách nhiệm được quy định trong Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động nhằm bảo vệ lợi ích của cổ đông. Bên cạnh đó Ban Kiểm soát cũng sẽ tiếp tục phối hợp với Hội đồng quản trị nhằm tăng cường các biện pháp quản trị rủi ro trong các hoạt động kinh doanh, đầu tư mở rộng, thận trọng trước những biến động của thị trường.

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

- Thông tin đã được công bố theo quy định hiện hành tại thông tư 155/2015/TT-BTC, Quy chế công bố thông tin ban hành theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM
- Thực hiện các hoạt động đảm bảo quyền lợi và lợi ích của nhà đầu tư như thực hiện chi trả cổ tức đúng quy định và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, lập và đăng ký danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, tổng hợp thông tin về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh hàng tháng của Công ty, tham gia soạn lập Báo cáo thường niên của Công ty
- Các thông tin và tài liệu giới thiệu và cập nhật về Công ty và cổ phiếu SHI được cung cấp cho các bên liên quan và cộng đồng đầu tư; Cung cấp thông tin kịp thời cho cổ đông, nhà đầu tư về tình hình kinh doanh của Công ty
- Thực hiện các thủ tục liên quan đến thủ tục phát hành cổ phiếu trả cổ tức và việc thực hiện quyền của cổ đông
- Tiếp nhận và trả lời những thắc mắc hay yêu cầu của cổ đông, nhà đầu tư; tổ chức gặp gỡ các nhà đầu tư bất thường và định kỳ; Xây dựng quan hệ và làm việc với các đơn vị phân tích, môi giới chứng khoán
- Giám sát và theo dõi việc đăng tải, đưa tin về Công ty và cổ phiếu SHI trên các phương tiện truyền thông, trong đó có các kênh truyền thông chứng khoán, đảm bảo các thông tin là chính xác và cập nhật thường xuyên
- Quản lý chuyên mục Cổ đông & Nhà đầu tư trên website của Công ty, đảm bảo thông tin được cập nhật thường xuyên và chính xác; Chủ trì việc chuẩn bị nội dung Bản tin Nhà đầu tư hàng tháng; Quản lý và chủ trì việc giao tiếp với cổ đông và nhà đầu tư thông qua các kênh truyền thông



QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0	0	0
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông	22.168.012	26,0	2	0	2
	Trong nước				0	2
	Nước ngoài	0	0	0	0	
3	Cổ đông lớn	39.138.012	45,8	5	0	5
	Trong nước				0	5
	Nước ngoài	0	0	0	0	
4	Công đoàn Công ty					
	Trong nước					
	Nước ngoài					
5	Cổ phiếu quỹ	318.860	0,4	1	1	-
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi					
7	Cổ đông khác	45.930.465	53,8	2.415	39	2.376
	Trong nước				32	2.347
	Nước ngoài	7	29			
TỔNG CỘNG		85.387.337	100,0	2.421	40	2.381
	Trong nước	84.792.300	99,3	2.385	33	2.352
	Nước ngoài	595.037	0,7	36	7	29

Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Lê Vinh Sơn	136.394.900.000	129.158.400.000
Ông Lê Hoàng Hà	85.285.220.000	93.586.080.000
Các cổ đông khác	632.193.250.000	419.579.580.000
Cộng	853.873.370.000	672.324.060.000

Lương và thù lao của Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Thù lao (đồng)	Chức danh
Đàm Quang Hùng	453.485.090	Phó Tổng Giám đốc
Đặng Quốc Huy (*)	101.619.820	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Viết Hà	544.364.750	Phó Tổng Giám đốc
Trịnh Thị Khanh	652.085.130	Phó Tổng Giám đốc
Cộng	1.751.554.570	

(*) Ông Đặng Quốc Huy miễn nhiệm từ ngày 09/03/2018

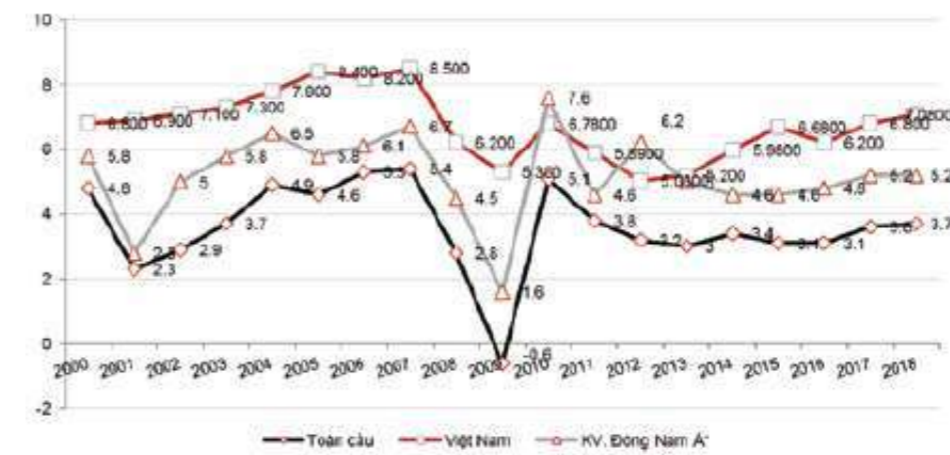
QUẢN TRỊ RỦI RO

Rủi ro về kinh tế

Tăng trưởng

Thực trạng và xu hướng phát triển của nền kinh tế trong nước luôn ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp. Khi nền kinh tế ở giai đoạn tăng trưởng cao sẽ tạo nhiều cơ hội cho doanh nghiệp phát triển. Ngược lại, khi nền kinh tế sa sút, suy thoái sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực cho các doanh nghiệp.

Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam



Nguồn: GSO, IMF

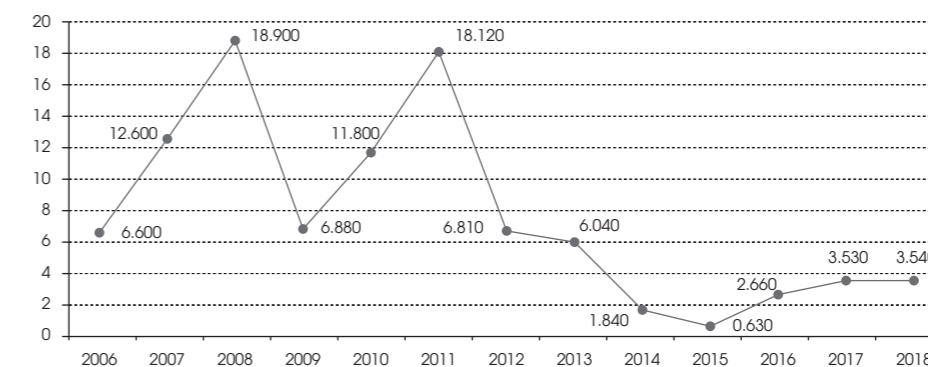
Kinh tế trong nước năm 2018 đã đạt được tốc độ tăng trưởng cao nhất trong vòng 5 năm trở lại đây với mức tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) là 7,08%. Với dự báo trong các năm tiếp theo, kinh tế thế giới tiếp tục đà tăng trưởng tuy có chậm hơn, kinh tế trong nước tiếp tục duy trì và đạt được tốc độ tăng trưởng cao hơn.

Rủi ro lạm phát

Chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua các chi phí nguyên vật liệu đầu vào. Lạm phát gia tăng sẽ khiến chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty tăng cao do tăng giá nguyên vật liệu, giá nhân công...

Mặc dù tốc độ tăng trưởng kinh tế trong những năm gần đây được duy trì ở mức ổn định, song Việt Nam cũng đang đứng trước sức ép gia tăng lạm phát. Tỷ lệ lạm phát đã tăng từ 6,6% năm 2006 lên 12,6% trong năm 2007, đặc biệt năm 2008 tỷ lệ lạm phát đã tăng lên tới 18,9%. Sau khi giảm xuống 6,9% trong năm 2009, lạm phát đã tiếp tục tăng trở lại lên mức 11,8% trong năm 2010 và 18,12% năm 2011. Nhờ những nỗ lực kiểm soát lạm phát của Chính phủ, tỷ lệ lạm phát năm từ 2012 đã giảm xuống còn 6,81%.

Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam



Theo thông báo của Tổng Cục thống kê, chỉ số giá tiêu dùng bình quân (CPI) năm 2018 tăng 3,5% so với CPI bình quân năm trước.

Nguồn: GSO

QUẢN TRỊ RỦI RO

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất xảy ra khi doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng vốn vay từ ngân hàng dẫn đến chi phí đi vay tăng ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Trong năm 2018 lãi suất trên thị trường tương đối ổn định, lãi suất phổ biến 0,8% - 1%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng; 4,3% - 5,4%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5,3% - 6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,5% - 7,3%/năm. Mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến của các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6%-6,5%/năm đối với ngắn hạn, 9% - 10%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8% - 9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3% - 11%/năm đối với trung và dài hạn.

Lãi suất (cho vay) ngân hàng là một trong những biến số quan trọng trong việc xây dựng kế hoạch kinh doanh mà cụ thể là kế hoạch nguồn vốn với mục tiêu cơ cấu vốn linh hoạt, chi phí hợp lý, phù hợp với diễn biến của thị trường tiền tệ và thị trường chứng khoán.

Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các bộ luật về thuế quan, và các quy định pháp luật khác của Việt Nam.

Ngoài ra, Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến các lĩnh vực ngành nghề hoạt động hiện nay của Công ty, các quy định về xuất nhập khẩu, cũng như những quy định và chính sách của nước nhập khẩu sản phẩm của Công ty. Việt Nam hiện là quốc gia đang phát triển, khung pháp lý và luật pháp chưa theo kịp với tốc độ phát triển kinh tế. Do vậy, mọi thay đổi và diễn giải, hướng dẫn pháp luật hiện hành có thể dẫn đến những kết quả không mong đợi, ảnh hưởng bất lợi tới hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động quản trị điều hành của Công ty. Công ty đã thường xuyên cập nhật các văn bản pháp lý để kịp thời dự báo và có sự chuẩn bị nhằm thích ứng với những thay đổi của chính sách. Đồng thời, nghiên cứu các quy định, chính sách về nhập khẩu của các nước mà Công ty có thị trường xuất khẩu để nhằm hạn chế những rủi ro về mặt pháp lý trong giao dịch.

Rủi ro đặc thù

Rủi ro ngành

Thị trường xuất khẩu

Hiện tại sản phẩm ống thép của Sơn Hà do Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam sản xuất đã được xuất khẩu vào 32 quốc gia và vùng lãnh thổ, Công ty tiếp tục chính sách mở rộng thị trường. Sản phẩm ống thép xuất khẩu đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về độ chính xác và chất lượng cao. Ý thức được điều này, Công ty đã xây dựng hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001:2008 và thực hiện đánh giá hàng năm để đảm bảo chất lượng sản phẩm một cách ổn định. Đối với các sản phẩm xuất khẩu, Công ty đã đáp ứng được yêu cầu và được cấp chứng nhận PED (Pressure Equipment Directive) cho các sản phẩm ống xuất khẩu vào thị trường châu Âu, và đáp ứng các tiêu chuẩn A312, A554, A778 của ASTM (American Society for Testing and Material) đối với sản phẩm ống thép công nghiệp và trang trí xuất khẩu vào thị trường sử dụng tiêu chuẩn ASTM.

Thuế chống bán phá giá

Sản phẩm của Công ty được xuất khẩu tới 32 quốc gia và vùng lãnh thổ khác, do vậy, ở các thị trường này Công ty có khả năng đối diện với thuế chống bán phá giá. Sở dĩ có hiện tượng như vậy là do xuất phát từ chính sách bảo hộ doanh nghiệp trong nước hoặc do việc không tận dụng được lợi thế để giảm giá thành sản phẩm của các doanh nghiệp nước sở tại, nguyên nhân khác là do cạnh tranh thiếu công bằng của các doanh nghiệp xuất khẩu ở các quốc gia khác.

Thị trường trong nước: các doanh nghiệp sản xuất và phân phối nguyên liệu đầu vào là thép không gỉ đã có sự cạnh tranh với các doanh nghiệp cung cấp nguyên liệu nước ngoài. Doanh nghiệp sẵn sàng nộp đơn kiện chống bán phá giá nguyên liệu đối với các doanh nghiệp đến từ các nước khác để bảo vệ hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Khi xảy ra những đợt kiện chống bán phá giá nguyên liệu, các doanh nghiệp nước ngoài bị áp thuế chống bán phá giá dẫn đến giá nguyên vật liệu đầu vào của Công ty có thể bị điều chỉnh tăng do thuế suất tăng và/hoặc do các doanh nghiệp cung cấp nguyên liệu trong nước tăng giá hoặc áp đặt các điều kiện thanh toán bất lợi hơn cho khách hàng, từ đó có thể làm tăng giá thành sản phẩm của Công ty.

Rủi ro về nguyên vật liệu

Là một Công ty sản xuất và kinh doanh các sản phẩm làm từ thép không gỉ, nguyên liệu chính của Sơn Hà là thép không gỉ được nhập khẩu từ nước ngoài và một số ít công ty trong nước. Giá của nguyên vật liệu chiếm tỷ lệ lớn trong giá thành sản phẩm. Giá của nguyên liệu thường xuyên biến động sẽ ảnh hưởng đến chi phí và lợi nhuận của Công ty. Bên cạnh đó, nếu nguồn nguyên vật liệu không được cung cấp đầy đủ và đúng hạn thì có thể Công ty không sản xuất đủ sản phẩm cung cấp cho các đơn hàng. Để giảm rủi ro, Công ty đã chủ động tìm kiếm những nhà cung cấp uy tín nhằm đảm bảo thời hạn giao hàng cũng như chất lượng sản phẩm.

Rủi ro về thị trường tiêu thụ

Sản phẩm chính của Sơn Hà là những đồ gia dụng thiết yếu, vì vậy lượng cầu không giảm nhiều như những sản phẩm khác. Đồng thời, Công ty đã chủ động điều chỉnh sản lượng cho phù hợp với sức tiêu thụ của thị trường.

Rủi ro cạnh tranh

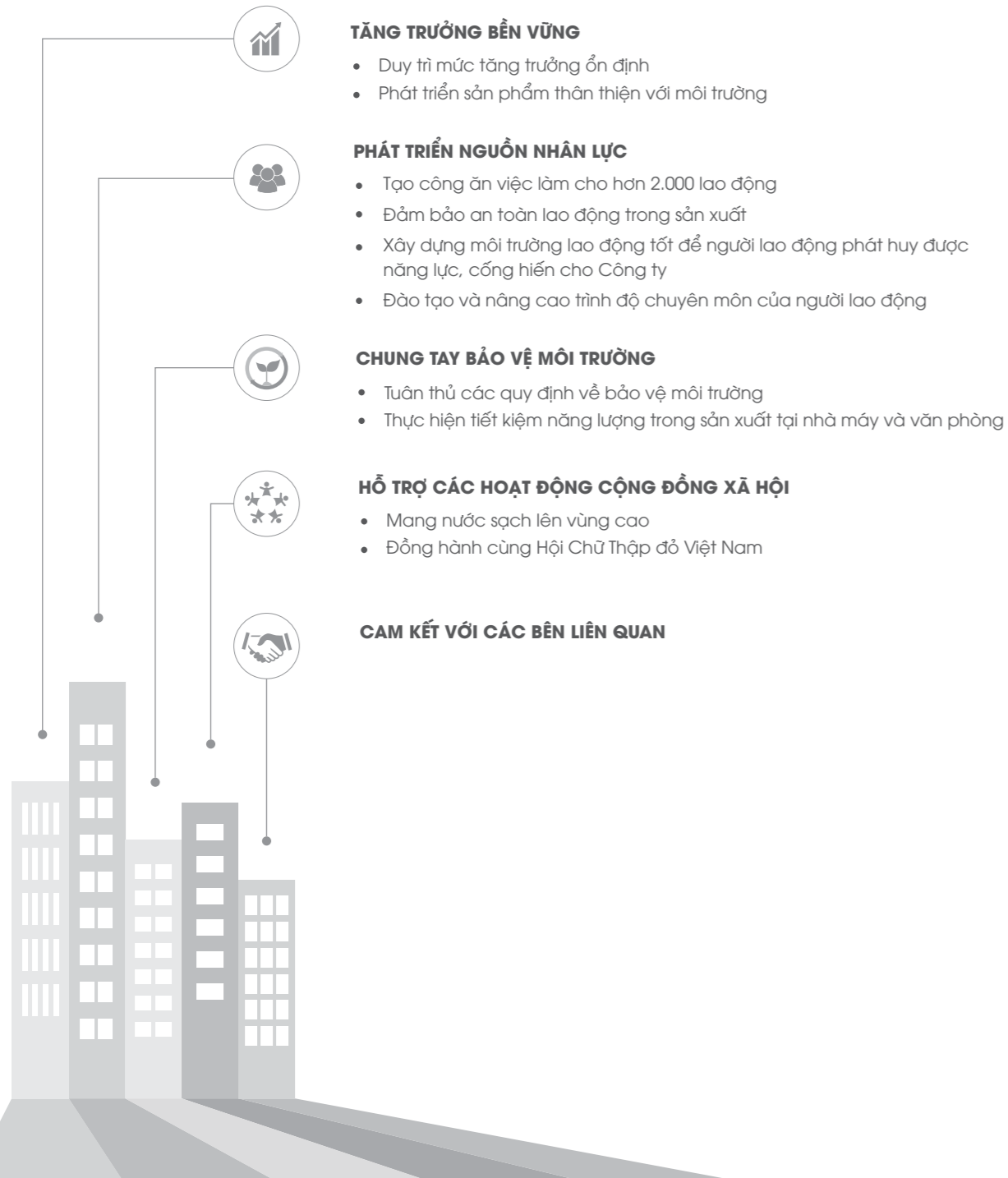
Hiện nay, có khoảng 20 doanh nghiệp trong nước bên cạnh các sản phẩm được nhập khẩu trong đó có những công ty lớn, có uy tín và đang cạnh tranh trực tiếp với Công ty như Tân Á, Tân Mỹ ở sản phẩm bồn nước, chậu rửa, Hoàng Vũ, Tiến Đạt ở sản phẩm ống inox, hay Kangaroo, Sunhouse ở các sản phẩm gia dụng. Sơn Hà đang nỗ lực cải tiến chất lượng sản phẩm, đa dạng hoá mẫu mã để chiếm lĩnh thị trường, tiến tới mục tiêu trở thành Công ty sản xuất các sản phẩm từ thép không gỉ, sản phẩm gia dụng hàng đầu Việt Nam.



PHẦN V
BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ



TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ BỀN VỮNG

■ Duy trì mức tăng trưởng ổn định

Hiểu rằng, chỉ có đảm bảo các mục tiêu kinh tế, Công ty mới có thể phát triển bền vững và đảm bảo lợi ích cho các bên liên quan. Vì vậy, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà luôn chú trọng sản xuất và kinh doanh, đảm bảo doanh thu tăng trưởng ổn định qua các năm; duy trì thị phần tại các thị trường cốt lõi; liên tục phát triển thị trường mới và tăng cường xuất khẩu sang nước ngoài.

Năm 2018, tổng doanh thu của Sơn Hà đạt 4.658 (tỷ đồng), nộp ngân sách Nhà nước 306 tỷ đồng và vinh dự được Cục Thuế thành phố Hà Nội trao tặng giấy khen vì những thành tích xuất sắc trong việc chấp hành tốt chính sách, pháp luật về Thuế, đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì.

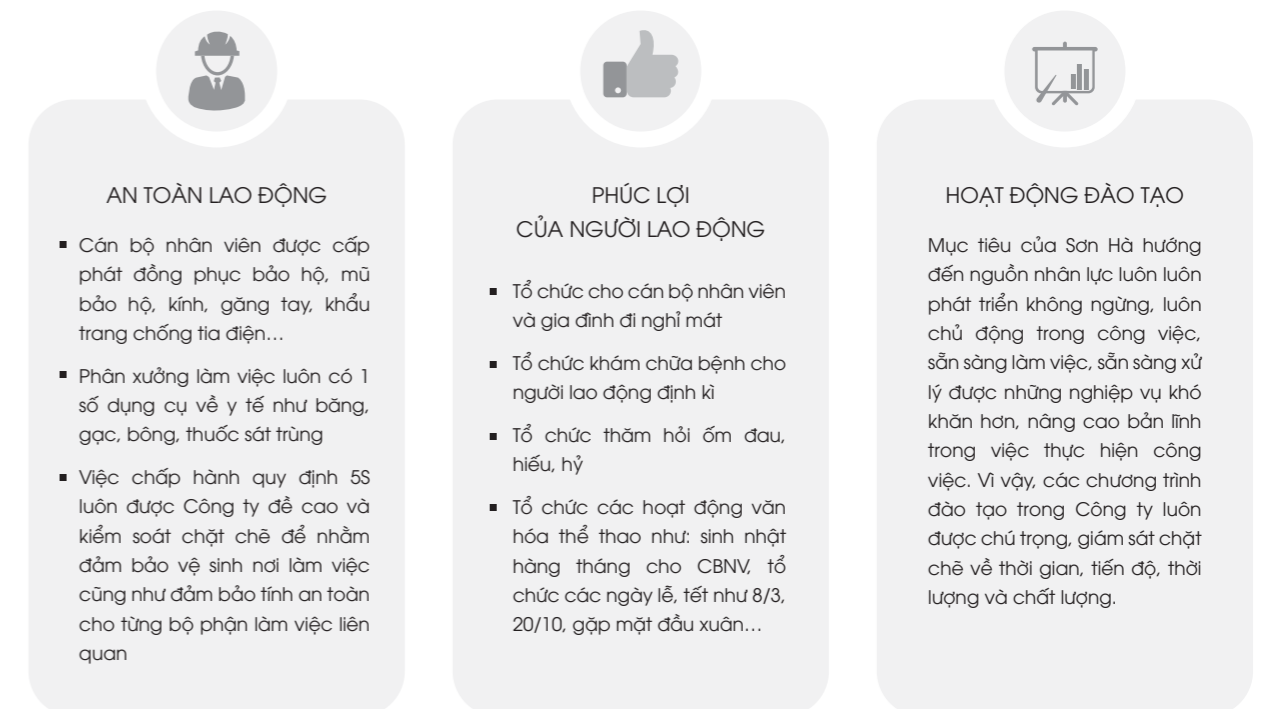
■ Phát triển sản phẩm thân thiện với môi trường

Ngoài ngành hàng truyền thống là các dải sản phẩm phục vụ gia dụng và công nghiệp, chặng đường phát triển tiếp theo Sơn Hà hướng tới những sản phẩm bảo vệ môi trường, cung cấp các giải pháp Xanh cho cuộc sống hiện đại. Sơn Hà cam kết không tham gia đầu tư vào các ngành nghề xâm phạm tài nguyên, gây ảnh hưởng đến chất lượng sống của đồng bào.

Định hướng trong thời gian tới, Sơn Hà sẽ tập trung phát triển vào các nhóm ngành sản xuất nước sạch và các giải pháp về nguồn nước; giải pháp về năng lượng sạch và tái tạo.

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Xác định con người là yếu tố cốt lõi tạo nên sự phát triển bền vững của Công ty nên ngay từ ngày đầu thành lập, Sơn Hà đã nỗ lực tạo môi trường lao động gắn kết và tạo điều kiện tốt nhất cho cán bộ nhân viên phát huy năng lực. Năm 2018, tổng số nhân lực của Sơn Hà là 2.114 người (tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính).





CHUNG TAY BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà luôn đặt tiêu chí bảo vệ môi trường lên hàng đầu và tổ chức bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường, chịu trách nhiệm quản lý chung về lĩnh vực bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Hoạt động sản xuất của công ty luôn được giám sát chặt chẽ theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

Các hoạt động báo cáo tác động môi trường, quan trắc môi trường, quản lý chất thải... được Sơn Hà triển khai đầy đủ tới các đơn vị trực thuộc; truyền thông nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên về bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng.

Thực hiện tiết kiệm năng lượng tại nhà máy và văn phòng



TẠI VĂN PHÒNG

- Lập kế hoạch, báo cáo tình hình sử dụng năng lượng hàng năm; Xây dựng mô hình quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.
- Kiểm tra và giám sát việc thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong phòng/ban; tổ chức tuyên truyền CBNV thực hiện tiết kiệm năng lượng.
- Khi mua sắm các phương tiện, thiết bị sử dụng điện phải ưu tiên mua sắm các phương tiện, thiết bị được dán nhãn năng lượng, loại nhãn xác nhận (nhãn ngôi sao năng lượng) hoặc nhãn so sánh đạt cấp hiệu suất năng lượng 5 sao.
- Xây dựng mô hình quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.



TẠI NHÀ MÁY

- Khuyến khích mua sắm, lắp đặt các phương tiện, thiết bị mới sử dụng các sản phẩm được dán nhãn tiết kiệm năng lượng.
- Hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức về sử dụng năng lượng, biện pháp công nghệ phù hợp và thiết bị công nghệ có hiệu suất năng lượng cao, sử dụng các dạng năng lượng thay thế có hiệu quả cao hơn trong dây chuyền sản xuất.
- Tiến hành thay thế dần các dây chuyền công nghệ hiện đại, tiết kiệm năng lượng; thực hiện việc đầu tư nâng cấp, cải tiến, hợp lý hóa công nghệ sử dụng năng lượng nhằm hạ thấp suất tiêu hao năng lượng trên một đơn vị sản phẩm.
- Tổ chức các lớp tập huấn về quản lý năng lượng, kiểm toán năng lượng.
- Khen thưởng các đơn vị, cá nhân thực hiện tốt; xử lý kịp thời các vi phạm quy định về sử dụng tiết kiệm năng lượng.

HỖ TRỢ CÁC HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

Sơn Hà luôn cam kết đạo đức kinh doanh là thực hiện trách nhiệm xã hội bằng những chương trình thiện nguyện hướng tới người dân nghèo, chia sẻ và làm vơi bớt khó khăn của đồng bào mình. Hướng tới đích đến trong hành trình phát triển chung của xã hội, sẽ không còn những đối tượng thiệt thòi bị bỏ quên lại phía sau trong đói nghèo và bất bình đẳng, Sơn Hà đã trích lại lợi nhuận kinh doanh để thực hiện các chương trình thiện nguyện và công ích cộng đồng.

■ Cùng Sơn Hà đem nước sạch lên vùng cao

Trong mục tiêu trách nhiệm cộng đồng của năm 2018, Sơn Hà quyết định tập trung các hoạt động thiện nguyện của mình cho đồng bào và học sinh tiểu học vùng miền núi phía Bắc.

Công ty đã lựa chọn các điểm trường nội trú và bán trú khó khăn nhất của các huyện nghèo vùng cao bị thiếu nước, thuộc các tỉnh: Lào Cai, Hà Giang, Lai Châu, Lạng Sơn, Yên Bái, Hoà Bình... để thực hiện chiến dịch "Cùng Sơn Hà đem nước sạch lên vùng cao". Với nguồn quỹ trích từ ngân sách của Sơn Hà và đóng góp từ lợi nhuận kinh doanh của Công ty năm 2018, theo kỳ vọng sẽ có khoảng 10.000 trẻ em vùng cao được thụ hưởng nước sạch từ chương trình.



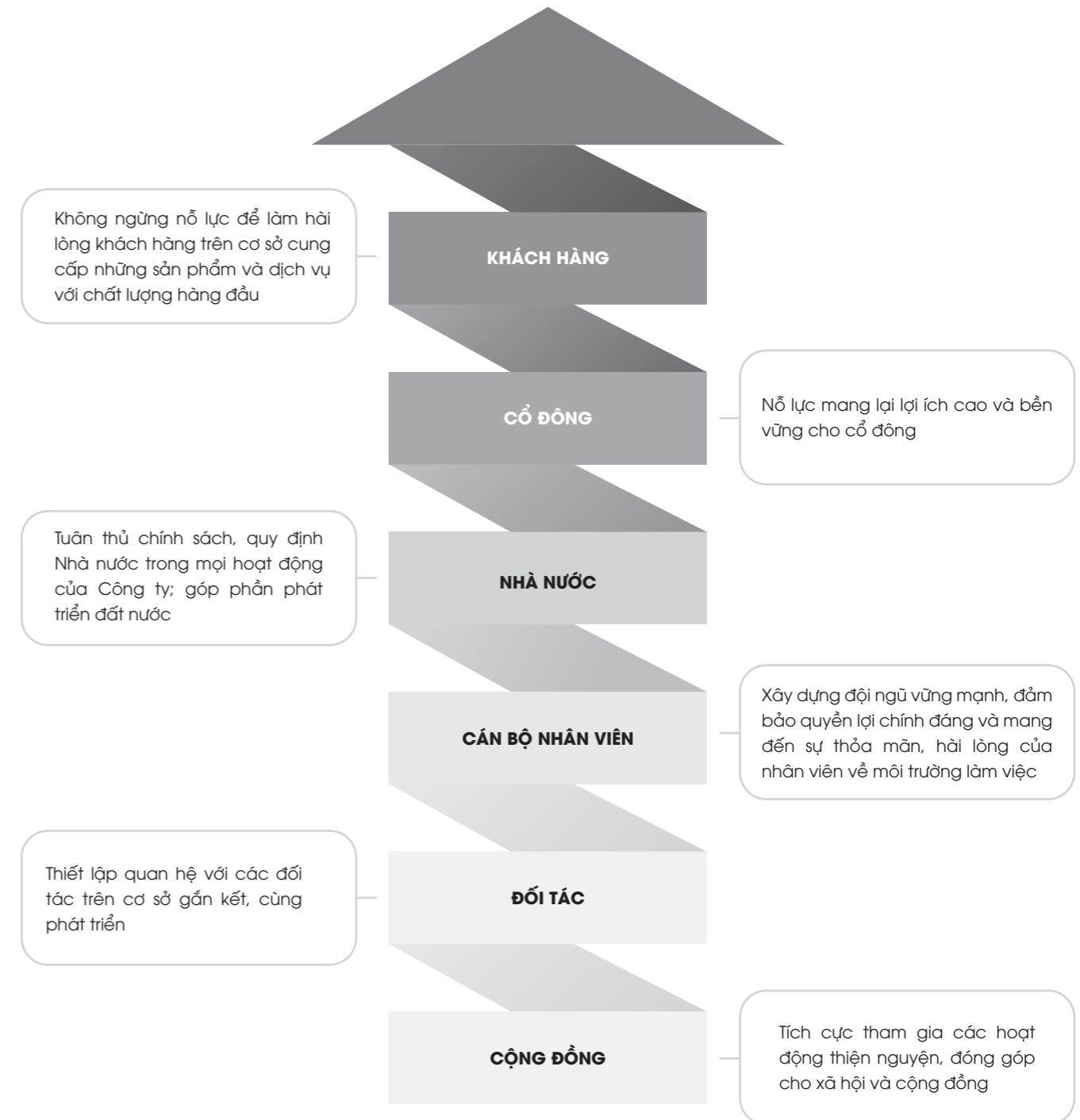
■ Đồng hành cùng Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam

Sơn Hà đã đồng hành cùng Hội Chữ thập đỏ Thành phố Hà Nội trong chương trình "Chung sức vì nhân đạo", phát động Tháng Nhân đạo năm 2018 và kỷ niệm Ngày Chữ thập đỏ - Trăng lưỡi liềm đỏ quốc tế (8/5).

Chương trình nằm trong chuỗi sự kiện ý nghĩa hướng tới kỷ niệm 70 năm Ngày Bác Hồ ra lời kêu gọi thi đua ái quốc do Hội chữ thập đỏ Thành phố Hà Nội phối hợp tổ chức cùng Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế.



CAM KẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN





PHẦN VI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn").

■ KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà tiền thân là Công ty TNHH Cơ Kim khí Sơn Hà, được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 070376 ngày 23 tháng 11 năm 1998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty chuyển đổi sang mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 30 tháng 10 năm 2007 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100776445 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp cùng ngày.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã mười tám (18) lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty, trong đó lần đăng ký thay đổi thứ mười tám (18) ngày 27 tháng 11 năm 2018 về việc tăng vốn điều lệ.

Trụ sở chính

Địa chỉ	Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Điện thoại	(024) 62 65 65 66
Fax	(024) 62 65 65 88

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Hải Dương	Thôn Cẩm Khê, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
2	Chi nhánh Hải Dương 2	Thôn Đại Tân, Xã Hoàng Tân, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương
3	Chi nhánh Phú Thọ	Khu 4 Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
4	Chi nhánh Ninh Bình	Số 64, đường Trần Hưng Đạo, phố Bình Hà, phường Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
5	Chi nhánh Ninh Bình 2	Xóm 3, Lạc Vân, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
6	Chi nhánh Đông Anh	Thôn Tiên Hùng, Xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
7	Chi nhánh Hà Nam	Tổ 11, phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, Hà Nam
8	Chi nhánh Xuân Mai	Km 30+ 200 Yên Kiện, Đông Sơn, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
9	Chi nhánh Sóc Sơn	Thôn Phù Mã, xã Phù Ninh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
10	Chi nhánh Thái Nguyên	Xóm 8, xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên
11	Chi nhánh Thái Nguyên 2	Số 809, đường Cách Mạng tháng 8, tổ 9 Phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên
12	Chi nhánh Tuyên Quang	Thôn Hợp Hòa 2, xã Lương Vượng, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
13	Chi nhánh Tuyên Quang 2	Km 26 Thái Hòa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang
14	Chi nhánh Quốc Oai	Thôn Đồng Lư, xã Đồng Quang, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
15	Chi nhánh Cẩm Phả	Tổ 1, khu Trung Sơn 2, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
16	Chi nhánh Yên Bái	Tổ 2 - thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
17	Chi nhánh Vĩnh Phúc	Đường Nguyễn Tất Thành, Khu tái định cư Hán Lữ, Phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
18	Chi nhánh Sơn La	Đường Lê Duẩn, tổ 4, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
19	Chi nhánh Sơn La 2	Số nhà 18, Tiểu khu Tiên Tiến, thị trấn Nông Trường, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La
20	Chi nhánh Hòa Bình	Km 4, phố Ngọc, xã Trung Minh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ
21	Chi nhánh Bắc Giang	Số nhà 83, thôn Dục Quang, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
22	Chi nhánh Bắc Giang 2	Thôn Già Khê, Xã Tiên Hưng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
23	Chi nhánh Bắc Giang 3	Thôn Kép 11, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
24	Chi nhánh Bắc Giang 4	Khu công nghiệp Đình Kế, phường Đình Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
25	Chi nhánh Thái Bình	Thôn Lê Lợi 1, xã Đông Xuân, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
26	Chi nhánh Thái Bình 2	Thôn Trình Trung Đông, xã Anh Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
27	Chi nhánh Bắc Ninh	Km2 đường Trần Hưng Đạo, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
28	Chi nhánh Cao Bằng	Tổ 11 Thâm Hoảng I, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng
29	Chi nhánh Quốc Oai 2	Cửa Sâu, thôn Đồng Lư, xã Đồng Quang, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
30	Chi nhánh Lạng Sơn	Tổ 4, khối 10, thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
31	Chi nhánh Nam Định	Km 3.5 đường S2, xã Nghĩa An, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
32	Chi nhánh Nam Định 2	Tổ 14, Thị trấn Xuân Trường, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định
33	Chi nhánh Hưng Yên	Km 12, thôn Yên Lịch, xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
34	Chi nhánh Hưng Yên 2	Phường Thông, Phường chiểu, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
35	Chi nhánh Lào Cai	Đường N4 và E13 tiểu Khu đô thị số 4, phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai
36	Chi nhánh Quảng Ninh	Phố Phú Lâm, thị trấn Lập Thạch, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất các sản phẩm thiết bị nhà bếp; sản xuất các loại thiết bị lọc nước; bán buôn phân bón; mua bán các sản phẩm năng lượng mới như năng lượng mặt trời, năng lượng gió;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Mua bán các sản phẩm thiết bị nhà bếp; mua bán các loại thiết bị lọc nước; bán buôn phân bón; mua bán các sản phẩm năng lượng mới như năng lượng mặt trời, năng lượng gió;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn;
- Sản xuất đồ điện dân dụng; sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung;
- Vệ sinh chung nhà cửa; vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; dịch vụ hành chính và văn phòng tổng hợp;
- Sản xuất sắt, thép, gang; đúc sắt, thép;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; bán buôn giường tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); bán buôn các loại máy công cụ dùng cho mọi loại vật liệu; bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Lê Vinh Sơn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 5 năm 2018
Ông Lê Hoàng Hà	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 5 năm 2018
Bà Trần Kim Dung	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Phan Thế Ruệ	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Vi Công Khanh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Việt Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Đàm Quang Hùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Quyết	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Bà Lê Khánh Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Bá Thị Hợp	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Thị Hồng Luyến	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Nguyễn Việt Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2019
Ông Lê Vinh Sơn	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 5 năm 2018 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2019
Ông Đàm Quang Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 10 năm 2007
Bà Trịnh Thị Khanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 12 năm 2015 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2019
Bà Trần Kim Dung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2016
Ông Nguyễn Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 3 năm 2018 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2019
Ông Đặng Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 09 tháng 3 năm 2018
Ông Hoàng Tuấn Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2017 Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2018

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Vinh Sơn - Chủ tịch HĐQT (tái bổ nhiệm ngày 03 tháng 5 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

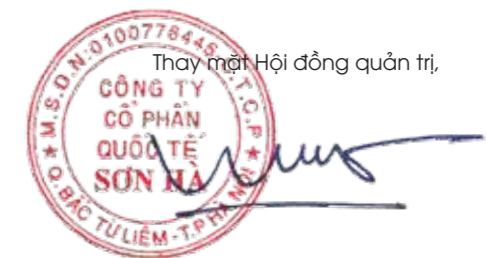
- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Hội đồng quản trị,

Lê Vinh Sơn
Chủ tịch

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2019, từ trang 8 đến trang 61, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0059 -2018-008-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Lê Trọng Toàn - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2963 -2015-008-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2,563,546,927,483	2,190,421,156,046
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	181,020,914,065	117,082,644,677
1. Tiền	111		181,020,914,065	64,419,091,147
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	52,663,553,530
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		44,153,148,050	1,140,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	44,153,148,050	1,140,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,275,217,044,154	999,373,046,776
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1,059,366,984,349	810,263,967,005
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	92,623,551,385	90,684,759,280
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	91,500,000,000	61,023,838,665
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	31,531,576,775	46,157,104,501
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.7	(9,426,548,464)	(8,850,310,947)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		9,621,480,108	93,688,272
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	1,003,049,411,676	977,935,575,557
1. Hàng tồn kho	141		1,004,647,501,427	980,324,356,008
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1,598,089,751)	(2,388,780,451)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		60,106,409,538	94,889,889,036
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	15,187,430,015	15,448,450,604
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		40,759,875,896	78,804,765,416
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	4,159,103,627	636,673,016
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		965,976,419,739	787,004,358,214
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		892,832,545	561,285,660
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	1,688,234,778	561,285,660
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	V.7	(795,402,233)	-
II. Tài sản cố định	220		562,942,963,071	467,898,810,090
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	531,494,783,717	445,412,994,219
- Nguyên giá	222		883,718,245,238	697,891,751,752
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(352,223,461,521)	(252,478,757,533)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	15,506,716,488	8,695,248,467
- Nguyên giá	225		17,656,015,397	10,168,732,688
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(2,149,298,909)	(1,473,484,221)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	15,941,462,866	13,790,567,404
- Nguyên giá	228		23,576,679,275	19,427,283,269
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(7,635,216,409)	(5,636,715,865)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		235,134,396,996	154,191,590,189
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	235,134,396,996	154,191,590,189
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		79,807,312,333	78,054,335,712
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	71,227,312,333	75,344,335,712
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	2,710,000,000	2,710,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	5,870,000,000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		87,198,914,794	86,298,336,563
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	81,072,647,311	84,922,808,507
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.14	6,126,267,483	1,375,528,056
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3,529,523,347,222	2,977,425,514,260

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2,413,253,334,268	2,060,522,111,759
I. Nợ ngắn hạn	310		2,108,424,067,258	1,778,275,307,069
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	251,065,969,174	344,984,125,292
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	10,322,738,826	18,957,602,113
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	16,890,679,617	25,190,028,015
4. Phải trả người lao động	314		27,841,932,055	26,364,745,564
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	35,169,691,169	27,812,659,153
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	2,898,190,911	7,277,000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	157,009,199,847	3,762,176,882
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	1,593,321,796,562	1,321,660,060,386
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22b	13,903,869,097	9,536,632,664
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		304,829,267,010	282,246,804,690
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	710,330,500	753,590,500
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	304,118,936,510	281,493,214,190
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.23	1,116,270,012,954	916,903,402,501
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,116,270,012,954	916,903,402,501
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		853,873,370,000	642,324,060,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		853,873,370,000	642,324,060,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(47,771,902,648)	16,061,097,352
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		35,159,000,000	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(4,186,322,972)	(4,186,322,972)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		27,222,553,561	18,303,367,281
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		199,168,744,159	214,063,147,046
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		96,060,291,908	214,063,147,046
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		103,108,452,251	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		52,804,570,854	30,338,053,794
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3,529,523,347,222	2,977,425,514,260

Người lập biểu



Phạm Thị Minh Phương

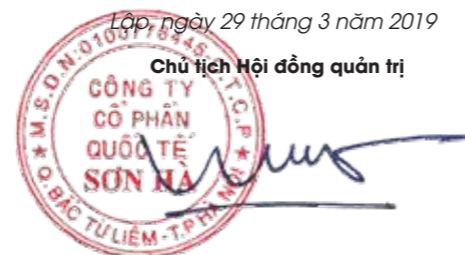
Kế toán trưởng



Trần Thị Thủy

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2019

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Vinh Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4,658,360,150,402	3,731,363,469,852
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	172,437,159,196	171,276,182,672
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		4,485,922,991,206	3,560,087,287,180
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	3,903,055,648,711	3,086,124,159,463
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		582,867,342,495	473,963,127,717
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	27,601,760,882	11,968,704,461
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	128,564,555,130	123,147,981,117
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		112,918,878,256	91,196,199,702
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(4,117,023,379)	5,258,428,031
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	233,300,093,832	159,961,216,897
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	116,303,232,955	71,422,818,260
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		128,184,198,081	136,658,243,935
12. Thu nhập khác	31	VI.8	7,953,216,907	6,246,733,878
13. Chi phí khác	32	VI.9	7,815,573,487	12,503,351,760
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		137,643,420	(6,256,617,882)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		128,321,841,501	130,401,626,053
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		20,188,154,507	25,698,229,281
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	-	(752,753,654)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		108,133,686,994	105,456,150,426
19. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	61		103,108,452,251	99,944,808,429
20. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát	62		5,025,234,743	5,511,341,997
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.11	1,443	1,418
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	VI.11	1,443	1,418

Người lập biểu



Phạm Thị Minh Phương

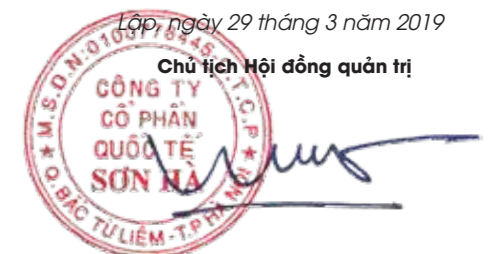
Kế toán trưởng



Trần Thị Thủy

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2019

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Vinh Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		128,321,841,501	130,401,626,053
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2		58,635,949,599	44,212,639,854
Các khoản dự phòng	3		580,949,050	(4,001,143,551)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	VI.4	(333,266,510)	(1,154,569,479)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(19,720,826,584)	30,942,419,025
Chi phí lãi vay	6	VI.5	112,918,878,256	91,196,199,702
Các khoản điều chỉnh khác	7		196,625,000	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		280,600,150,312	291,597,171,604
Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(247,208,414,304)	(479,657,939,492)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(24,323,145,419)	(202,097,432,493)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		224,516,500,613	208,870,898,101
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		10,658,359,139	(3,642,939,509)
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(113,551,933,032)	(90,254,377,372)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	VI.17	(29,992,084,983)	(22,318,546,439)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.22	362,806,440	660,640,850
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22	(1,740,195,391)	(1,431,517,724)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		99,322,043,375	(298,274,042,474)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(209,270,958,103)	(309,629,788,946)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2,880,249,114	23,468,612,767
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(123,853,148,050)	(1,140,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		74,970,000,000	69,102,424,666
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(12,259,031,850)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	60,480,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		22,175,702,746	(7,416,846,139)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(233,098,154,293)	(177,394,629,502)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21	3,952,815,660,801	3,382,614,102,947
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21	(3,750,704,498,754)	(2,855,364,600,458)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.21	(4,323,532,117)	(2,341,455,135)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		197,787,629,930	524,908,047,354
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		64,011,519,012	49,239,375,378
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	117,082,644,677	67,863,672,645
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(73,249,624)	(20,403,346)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	181,020,914,065	117,082,644,677

Người lập biểu

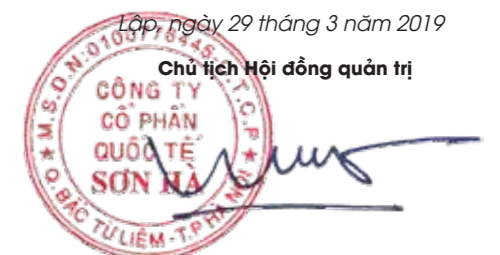
Phạm Thị Minh Phương

Kế toán trưởng

Trần Thị Thủy

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2019

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Vinh Sơn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty" hay "Công ty mẹ") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa, bình năng lượng Thái dương năng, bình nóng lạnh, máy lọc nước, máy hút mùi, ống công nghiệp, ống trang trí.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 11 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

▪ Mua công ty con

Công ty Cổ phần Sản xuất – Kinh doanh Toàn Mỹ chính thức trở thành Công ty con từ ngày 10 tháng 10 năm 2018 sau khi hoàn tất hoán đổi cổ phiếu theo tỷ lệ 1 cổ phiếu Công ty Cổ phần Sản xuất – Kinh doanh Toàn Mỹ hoán đổi lấy 2 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, số lượng phát hành là 17.960.000 cổ phiếu Sơn Hà đổi lấy 8.980.000 cổ phiếu Toàn Mỹ. Công ty sở hữu 8.980.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Toàn Mỹ, tương đương 99,78% vốn điều lệ

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả của Công ty con theo giá trị ghi sổ tại ngày mua. Chi tiết về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả của công ty con được mua vào ngày mua và lợi thế thương mại như sau:

Tài sản	250.161.633.681
Tài sản ngắn hạn	219.529.954.793
Tài sản dài hạn	30.631.678.888
Nợ phải trả	135.037.658.291
Nợ ngắn hạn	131.593.658.291
Nợ dài hạn	3.444.000.000
Giá trị hợp lý của tài sản thuần	115.123.975.390
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	255.831.056
Giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua (a)	114.868.144.333
Giá phí hợp nhất kinh doanh (b)	120.332.000.000
Lợi thế thương mại ((b) - (a))	5.463.855.667

▪ Tăng vốn góp tại công ty con

Trong năm, Công ty đã góp thêm 10.318.000.000 VND và nhận cổ tức bằng cổ phiếu giá trị là 5.159.000.000 VND của Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà, tỷ lệ vốn góp tại công ty con là 51,59% vốn điều lệ.

Công ty nhận cổ tức bằng cổ phiếu giá trị là 30.000.000.000 VND của Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam, tỷ lệ sở hữu của Công ty là 100% vốn điều lệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất và gia công cơ khí các sản phẩm, đồ dùng bằng kim loại	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	Khu B Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng, kinh doanh các sản phẩm thiết bị nhà bếp	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Lô CN07, Khu CN, đô thị Thuận Thành II, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất các sản phẩm thiết bị gia dụng	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà	Lô CN08, Khu CN, đô thị Thuận Thành II, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất các sản phẩm thiết bị nhà bếp	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Logistics Sơn Hà	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Dịch vụ vận tải	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Kinh doanh thương mại	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyền	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất, dịch vụ	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng Sơn Hà	Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất bình Thái Dương năng	51,59%	51,59%	51,59%
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Kinh doanh thương mại	51%	54,26%	51%
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	69%	88,92%	69%
Son Ha Myanmar International Limited	No. 33/B Damaryone Street, Ward No. 15, Baukhtaw, Yankin Township, Yangon, Myanmar	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	52,5%	55,13%	52,5%
Công ty Cổ phần Sản xuất – Kinh doanh Toàn Mỹ	Khu phố Hòa Lân 1, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Sản xuất các sản phẩm thiết bị gia dụng	99,78%	99,78%	99,78%

Công ty con gián tiếp

Tập đoàn có 2 Công ty con gián tiếp, bao gồm:

- Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển Sơn Hà Vinh, trụ sở tại Khu B, Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, ngành nghề kinh doanh là sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng, kinh doanh các sản phẩm thiết bị nhà bếp, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn là 100%. Công ty này do Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An sở hữu 100% vốn điều lệ. Công ty con này chưa đi vào sản xuất kinh doanh.
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế Trường Thịnh, lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, ngành nghề kinh doanh là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn là 51%. Công ty này do Công ty TNHH MTV Logistics Sơn Hà sở hữu 51% vốn điều lệ. Công ty con này chưa đi vào sản xuất kinh doanh.

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Công ty liên kết trực tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	Số 8, đường Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Dịch vụ trò chơi trực tuyến và trò chơi điện tử; Cho thuê mặt bằng kinh doanh (trong trung tâm thương mại)	20,13%	20,13%	20,13%
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	Số 14/10, đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Cung cấp, phân phối nước sạch	20,15%	20,15%	20,15%

Công ty liên kết gián tiếp

Công ty Cổ phần PJ Mercury Việt Nam, có địa chỉ tại Khu B Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn là 41,67%. Công ty này do TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển Sơn Hà Vinh sở hữu 49% vốn. Công ty liên kết này chưa đi vào sản xuất kinh doanh.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có 2.114 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.991 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.
- Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:
- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - > 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - > 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - > 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - > 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí thuê nhà, chi phí quảng cáo. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí quảng cáo, thuê nhà

Chi phí quảng cáo, thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng thuê nhà.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 25

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của phương tiện vận tải thuê tài chính là 10 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đến bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất.

Chương trình phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 - 08 năm.

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà và quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động

sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

16. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tập đoàn theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

17. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

18. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Tập đoàn đã là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tập đoàn đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Tập đoàn đã thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận

tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp;
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - > Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - > Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	16.744.287.895	25.569.690.697
Tiền gửi ngân hàng	159.087.588.290	38.849.400.450
Tiền đang chuyển	5.189.037.880	
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)		52.663.553.530
Cộng	181.020.914.065	117.082.644.677

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	44.153.148.050	1.140.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	44.153.148.050	1.140.000.000
Dài hạn	5.870.000.000	
Trái phiếu	5.870.000.000	
Cộng	50.023.148.050	1.140.000.000

2b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	31.405.778.616	(31.405.778.616)		31.405.778.616	(29.046.294.459)	2.359.484.157
Công ty Cổ phần PJ Mercury Việt Nam	59.999.400.000		59.999.400.000	59.999.400.000		59.999.400.000
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	12.259.031.850	(1.031.119.517)	11.227.912.333	12.259.031.850	726.419.705	12.985.451.555
Cộng	103.664.210.466	(32.436.898.133)	71.227.312.333	103.664.210.466	(28.319.874.754)	75.344.335.712

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Công ty Cổ phần PJ Mercury Việt Nam hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nhà xưởng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà		
Thương mại Tổng hợp Sơn Hà thanh toán tiền vay cho Công ty	(6.014.048.000)	60.000.000.000
Lãi vay Thương mại Tổng hợp Sơn Hà nhập gốc	1.969.558.000	6.014.048.000
Thanh toán lãi vay	7.983.606.000	

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là khoản đầu tư vào 271.000 cổ phiếu của Công ty Bất động sản Havico.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	21.288.586.444	32.267.352.366
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	13.862.062.260	25.229.930.420
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	3.022.575.457	2.652.833.219
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại tổng hợp Sơn Hà	4.403.948.727	4.384.588.727
Phải thu các khách hàng khác	1.038.078.397.905	777.996.614.639
Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Đại An	139.857.837.381	89.239.156.364
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Chấn Hưng	144.412.159.501	93.166.924.316
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xuyên Thái Bình Dương	115.477.198.883	86.023.555.334
Các khách hàng khác	638.331.202.140	509.566.978.625
Cộng	1.059.366.984.349	810.263.967.005

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng và Kinh doanh Thương Mại Công Hà	15.482.858.456	15.969.984.334
Công ty TNHH MTV Nước Sạch Hà Đông		7.594.440.000
Falana		8.401.501.193
NINGBO NINGSHING TRADING GROUP INC	15.638.433.868	
Công ty Cổ phần Xây dựng Đô thị Hòa Phú	9.003.813.501	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HTĐT Tuấn Linh	9.235.500.000	
Các nhà cung cấp khác	43.262.945.560	58.718.833.753
Cộng	92.623.551.385	90.684.759.280

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho bên liên quan vay		61.023.838.665
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà		61.023.838.665
Phải thu các tổ chức khác	91.500.000.000	
Đại lý Nguyễn Thị Mai (Nam Hồng) Hà Nam	17.000.000.000	
Đại lý Lê Văn Kiên - Hà Nội	14.000.000.000	
Đại lý Nguyễn Thị Khuyên Luyện - Hưng Yên	16.000.000.000	
Đại lý Đinh Duy Tuấn - Hà Nội	19.000.000.000	
Đại lý Lê Bích Thủy - Lào Cai	15.500.000.000	
Đại lý Vũ Trung Kiên - Thái Bình	10.000.000.000	
Cộng	91.500.000.000	61.023.838.665

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	2.655.720		2.535.750	
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	119.970			
Cá nhân có liên quan khác	2.535.750		2.535.750	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	31.528.921.055		46.154.568.751	
Ông Lê Tiến Thành - tạm ứng	175.000.000		9.769.403.091	
Ông Hoàng Hào Hiệp - tạm ứng	35.280.000		4.300.000.000	
Ông Trần Việt Dũng - tạm ứng	10.000.000		4.536.380.000	
Ông Ngô Duy Sáng - tạm ứng	3.000.000.000			
Ông Lê Văn Tấn	2.016.300.000			
Bà Phạm Thị Quỳnh Hoa - Phải thu tiền chuyển nhượng công ty	2.000.000.000			
Tạm ứng của cá nhân khác	6.383.749.035		3.510.000.000	
Ký cược, ký quỹ	6.474.051.311		9.524.059.071	
Chi phí tư vấn hoán đổi cổ phiếu			4.565.000.000	
Lãi cho vay	567.050.227			
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	10.867.490.482		9.949.726.589	
Cộng	31.531.576.775		46.157.104.501	

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	871.904.885		540.358.000	
Lê Trần Trọng Thái	795.402.233	(795.402.233)		
Các khoản phải thu khác	20.927.660		20.927.660	
Cộng	1.688.234.778	(795.402.233)	561.285.660	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

7. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Kim loại Việt	Trên 3 năm	3.540.903.520	(3.540.903.520)	Trên 3 năm	3.540.903.520	(3.540.903.520)
Công ty TNHH Inox Hùng Anh	Trên 3 năm	1.891.351.348	(1.891.351.348)	Trên 3 năm	1.891.351.348	(1.891.351.348)
Tổng công ty Viglacera	Trên 3 năm	1.355.200.000	(1.355.200.000)	2 năm đến dưới 3 năm	1.355.200.000	(948.640.000)
Các đối tượng khác				1 năm đến dưới 2 năm	490.582.769	(251.799.213)
Khách hàng khác	2 năm đến dưới 3 năm	211.397.909	(110.698.955)	2 năm đến dưới 3 năm	750.100	(525.070)
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	3.323.796.874	(3.323.796.874)	Trên 3 năm	2.217.091.796	(2.217.091.796)
Cộng		10.322.649.651	(10.221.950.697)		9.495.879.533	(8.850.310.947)

Giá trị hàng tồn kho theo sổ sách dùng thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của các Ngân hàng thương mại tại thời điểm kết thúc năm tài chính là 350.238.994.700 VND (số đầu năm là 418.037.120.840 VND).

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.388.780.451	2.650.719.428
Trích lập dự phòng bổ sung		442.800.000
Hoàn nhập dự phòng	(790.690.700)	(704.738.977)
Số cuối năm	1.598.089.751	2.388.780.451

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/ dài hạn

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	333.988.536	155.072.114
Công cụ dụng cụ	3.596.917.954	2.745.459.555
Chi phí quảng cáo	1.833.116.867	1.848.090.950
Chi phí thuê nhà, thuê kho, xưởng	4.247.829.870	4.100.830.269
Chi phí hàng nhập khẩu	1.726.322.403	3.667.922.949
Chi phí sửa chữa cải tạo	583.548.028	52.962.787
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.865.706.357	2.878.111.980
Cộng	15.187.430.015	15.448.450.604

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	14.335.189.909	8.724.451.202
Chi phí thuê nhà, thuê kho, xưởng	1.084.521.415	2.687.513.061
Chi phí thuê đất (*)	53.308.172.330	53.404.502.447
Chi phí giải phóng, san lấp mặt bằng	4.525.732.736	4.828.530.536
Sửa chữa, cải tạo thiết bị, văn phòng	5.394.450.453	11.907.061.374
Chi phí quảng cáo	332.867.293	306.117.353
Chi phí đào tạo	316.839.935	1.190.309.951
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.774.873.239	1.874.322.583
Cộng	81.072.647.311	84.922.808.507

(*) Chi phí thuê đất là quyền sử dụng 02 lô đất của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà được sử dụng để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	8.850.310.947		8.850.310.947
Trích lập dự phòng bổ sung	576.237.517	795.402.233	1.371.639.750
Số cuối năm	9.426.548.464	795.402.233	10.221.950.697

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	87.107.809.215		64.318.100.684	
Nguyên liệu, vật liệu	373.175.310.351	(745.077.201)	380.082.874.966	(942.655.156)
Công cụ, dụng cụ	12.252.655.375		12.948.443.587	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.846.072.936		5.007.516.276	
Thành phẩm	258.604.823.927	(853.012.550)	325.700.044.435	(1.446.125.295)
Hàng hóa	265.289.515.656		192.229.448.553	
Hàng gửi bán	371.313.967		37.927.507	
Cộng	1.004.647.501.427	(1.598.089.751)	980.324.356.008	(2.388.780.451)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa vật liệu kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số đầu năm	221.814.661.470	370.449.718.043	95.134.219.838	10.493.152.401	697.891.751.752
Tăng trong năm	37.783.986.278	124.514.283.786	27.107.901.970	2.045.803.619	191.451.975.653
Mua trong năm	19.953.124.185	67.733.004.816	9.022.180.982	1.368.872.286	98.077.182.269
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành		19.032.468.280	9.641.073		19.042.109.353
Tăng do hợp nhất (toàn mỹ)	20.201.129.230	34.551.128.649	14.745.219.917	934.346.237	70.431.824.033
Phân loại lại	(2.370.267.137)	3.197.682.041	(570.000.000)	(257.414.904)	
Mua lại TSCĐ thuế tài chính			3.900.859.998		3.900.859.998
Giảm trong năm	(325.984.546)	(1.877.788.153)	(3.161.763.462)	(259.946.006)	(5.625.482.167)
Thanh lý, nhượng bán	(337.935.455)	(1.765.167.811)	(3.161.763.462)	(259.946.006)	(5.524.812.734)
Giảm khác	11.950.909	(112.620.342)			(100.669.433)
Số cuối năm	259.272.663.202	493.086.213.676	119.080.358.346	12.279.010.014	883.718.245.238

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	5.239.825.804	33.635.278.775	3.185.778.504	4.333.935.997	46.394.819.080
Chờ thanh lý					

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	32.119.267.524	185.453.183.710	28.947.099.896	5.959.206.403	252.478.757.533
Tăng trong năm	18.677.485.264	65.008.088.439	18.113.983.619	1.695.008.790	103.494.566.112
Khấu hao trong năm	8.589.194.456	37.892.585.766	8.923.501.520	912.914.340	56.318.196.082
Tăng do hợp nhất	10.486.900.348	26.816.445.284	7.739.681.217	578.598.605	45.621.625.454
Phân loại lại	(398.609.540)	299.057.389	(103.943.694)	203.495.845	
Mua lại TSCĐ thuế tài chính			1.554.744.576		1.554.744.576

Giảm trong năm	(202.302.361)	(1.009.359.548)	(2.378.527.529)	(159.672.686)	(3.749.862.124)
Thanh lý tài sản cố định	(202.302.361)	(999.158.034)	(2.378.527.529)	(159.672.686)	(3.739.660.610)
Giảm khác		(10.201.514)			(10.201.514)
Số cuối năm	50.594.450.427	249.451.912.601	44.682.555.986	7.494.542.507	352.223.461.521

Giá trị còn lại

Số đầu năm	189.695.393.946	184.996.534.333	66.187.119.942	4.533.945.998	445.412.994.219
Số cuối năm	208.678.212.775	243.634.301.075	74.397.802.360	4.784.467.507	531.494.783.717

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 288.634.814.605 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng thương mại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	10.168.732.688		10.168.732.688
Mua trong năm	5.368.154.496	6.005.988.211	11.374.142.707
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(3.886.859.998)		(3.886.859.998)
Số cuối năm	11.650.027.186	6.005.988.211	17.656.015.397
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.473.484.221		1.473.484.221
Khấu hao trong năm	2.019.275.843	211.283.421	2.230.559.264
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(1.554.744.576)		(1.554.744.576)
Số cuối năm	1.938.015.488	211.283.421	2.149.298.909
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	8.695.248.467		8.695.248.467
Số cuối năm	9.712.011.698	5.794.704.790	15.506.716.488

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	16.095.638.991	3.331.644.278	19.427.283.269
Mua sắm mới		1.140.711.400	1.140.711.400
Tặng do hợp nhất (Toàn Mỹ)	2.998.404.606	10.280.000	3.008.684.606
Số cuối năm	19.094.043.597	4.482.635.678	23.576.679.275
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.558.007.434	3.078.708.431	5.636.715.865
Khấu hao trong năm	13.886.418	73.307.835	87.194.253
Tặng do hợp nhất (Toàn Mỹ)	1.671.844.274	239.462.017	1.911.306.291
Số cuối năm	4.243.738.126	3.391.478.283	7.635.216.409
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	13.537.631.557	252.935.847	13.790.567.404
Số cuối năm	14.850.305.471	1.091.157.395	15.941.462.866
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng			

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Tăng do hợp nhất công ty con	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng Tài sản cố định	Kết chuyển tăng CCDC	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	154.191.590.189	268.686.403	110.053.064.434	(19.042.109.353)	(1.830.141.915)	(8.506.692.762)	235.134.396.996
Dự án Bắc Cổ Nhuế - Chèm	4.750.000.000						4.750.000.000
Dự án xây dựng các Showroom	71.211.891.688		6.073.735.650				77.285.627.338
Nhà máy Sơn Hà tại Bắc Ninh	30.284.913.218		7.968.944.990	(19.042.109.353)		(6.427.776.067)	12.783.972.788
Dự án nước Hà Đông	47.026.423.491		88.437.095.609				135.463.519.100
Công trình Văn Cồn An Thượng			2.092.385.166				2.092.385.166
Các công trình khác - Phúng	240.300.000					(157.318.170)	82.981.830
Dự án khác	678.061.792	268.686.403	5.480.903.019	(1.830.141.915)	(1.921.598.525)		2.675.910.774
Cộng	154.191.590.189	268.686.403	110.053.064.434	(19.042.109.353)	(1.830.141.915)	(8.506.692.762)	235.134.396.996

Tập đoàn đã thế chấp công trình xây dựng dở dang với giá trị theo số sách tại ngày kết thúc năm tài chính là 77.285.627.338 VND (số đầu năm là 71.211.891.688 VND) để đảm bảo cho các khoản phát hành trái phiếu (xem thuyết minh số V.21b).

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm là 6.350.086.708 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

14. Lợi thế thương mại

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.375.528.056	1.542.258.729
Phát sinh trong năm	5.463.855.667	
Số phân bổ trong năm	(713.116.240)	(166.730.673)
Số cuối năm	6.126.267.483	1.375.528.056

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	5.447.006.387	5.349.103.215
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	5.416.432.948	5.318.529.776
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	30.573.439	30.573.439
Phải trả các nhà cung cấp khác	245.618.962.787	339.635.022.077
Công ty TNHH POSCO VST	62.814.780.436	64.903.969.237
Grace Alloy Corp Taiwan		19.858.726.125
Công ty TNHH Thương mại Inox Nhật Minh	6.212.711.980	12.792.991.233
Singapore Zhimei		90.655.360.140
Công ty TNHH Thương Mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc	1.006.381.343	27.034.788.475
Hyosung Corporation Cheongdam	27.338.099.946	
Các nhà cung cấp khác	148.246.989.082	124.389.186.867
Cộng	251.065.969.174	344.984.125.292

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
The Sahebrao Deshmukh		1.005.934.708
Các khách hàng khác	10.322.738.826	17.951.667.405
Cộng	10.322.738.826	18.957.602.113

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Tổng giảm do hợp nhất	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	13.940.259.006		229.863.101.368	(235.492.212.065)	852.412.553	9.163.560.862
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		981.710	29.703.756.929	(29.702.775.219)		
Thuế xuất, nhập khẩu		330.314.322	2.792.612.795	(3.224.560.343)		762.261.870
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.626.327.904		20.188.154.507	(29.989.098.519)	2.693.376.183	3.095.460.725
Thuế thu nhập cá nhân	577.140.092	4.727.983	5.741.452.059	(5.412.165.437)	73.830.708	5.212.031
Tiền thuế đất		293.169.001	2.095.043.961	(2.095.043.961)		293.169.001
Các loại thuế khác	46.301.013	7.480.000	454.686.163	(364.350.691)		3.000.000
Cộng	25.190.028.015	636.673.016	290.838.807.782	(306.280.206.235)	3.619.619.444	16.890.679.617
						4.159.103.627

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An đang được hưởng ưu đãi với thuế suất ưu đãi là 10%.

Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh và Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà được miễn thuế trong 02 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo.

Các công ty khác trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuế đất

Công ty phải nộp tiền thuế đất theo Thông báo của Cục thuế Thành phố Hà Nội với diện tích 8.793 m² đất tại lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội với đơn giá 11.567 VND/m²; diện tích 44.800 m² tại cụm công nghiệp thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội với đơn giá 45.020 VND/m².

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương tháng 13	10.189.070.807	6.039.980.113
Chi phí lãi vay phải trả	2.241.537.748	2.874.592.524
Phải trả các khoản thưởng Nhà phân phối	13.574.686.162	14.468.266.275
Chi phí hàng khuyến mại	986.388.083	2.212.031.669
Chiết khấu thương mại		300.757.637
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn dự án	1.654.391.814	1.200.204
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	6.523.616.555	1.915.830.731
Cộng	35.169.691.169	27.812.659.153

19. Doanh thu chưa thực hiện

Là doanh thu cho thuê văn phòng.

20. Phải trả ngắn hạn/ dài hạn khác

20a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	1.674.901.988	1.134.006.566
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	557.507.694	344.617.337
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	363.773.264	1.759.819.293
Phải trả LC UPASS - Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh	48.124.544.703	
Phải trả LC UPASS - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	67.720.392.350	
Phải trả LC UPASS - Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam	21.856.463.635	
Dự án nước Vân Cồn An Thượng	7.000.000.000	
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	9.711.616.213	523.733.686
Cộng	157.009.199.847	3.762.176.882

20b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

20c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.593.321.796.572	1.321.660.060.386
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.484.543.748.690	1.245.302.539.524
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (i)	792.408.423.199	509.492.658.366
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (ii)		82.601.104.534
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức (iii)	433.133.628.998	352.617.564.194
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (iv)	11.168.284.875	87.886.107.711
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (v)	95.236.411.249	78.464.416.071
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (vi)		25.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở chính (vii)	29.776.509.621	58.129.619.921
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương (ix)	77.729.742.339	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh (x)	10.352.394.895	
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đồng Đa (xi)	34.738.353.514	51.111.068.727
Vay ngắn hạn các cá nhân	440.000.000	2.950.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	82.474.726.027	49.531.490.388
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	52.762.285.128	10.229.702.915
Ngân hàng Bưu điện Liên Việt - CN Thăng Long	1.291.040.000	1.291.040.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đồng Đa	3.238.178.256	1.929.163.384
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình		7.488.413.384
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức (trước là Chi nhánh Hà Tây)	3.908.520.000	23.172.909.446
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	9.106.960.643	9.106.960.643
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	2.984.028.000	
Ngân hàng TMCP Công thương Nghệ An	984.000.000	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	5.700.000.000	1.190.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	2.499.714.000	2.611.714.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	3.863.321.845	1.876.030.474
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	22.000.000.000	22.000.000.000
Cộng	1.593.321.796.562	1.321.660.060.386

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Các khoản vay tại Công ty mẹ

- (i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/147831/HĐTD ngày 01 tháng 08 năm 2016, dư nợ vay tối đa là 480.000.000.000 VND, lãi suất thả nổi, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán và mở L/C, tài sản đảm bảo là một số máy móc thiết bị, nhà xưởng tại Diên.
- (ii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2017-HĐTDHM/NHCT128-SONHA ngày 09 tháng 01 năm 2017, dư nợ vay tại mọi thời điểm không vượt quá 200.000.000.000 VND, lãi suất thả nổi, thời hạn vay 12 tháng, được bảo đảm bằng thế chấp tài sản là một số máy móc thiết bị, nhà xưởng tại Phùng.
- (iii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng 01/2016/147831/HĐTD ngày 01 tháng 8 năm 2016, hạn mức thường xuyên theo mức dư nợ vay tối đa là 320.000.000.000 VND, lãi suất thả nổi, thời hạn vay 12 tháng, được đảm bảo bằng thế chấp tài sản là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.
- (v) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 160052/NHNTHD ngày 26 tháng 07 năm 2016 với hạn mức 80.000.000.000 VND để thanh toán tiền mua nguyên liệu và các chi phí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn là 6 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất thả nổi, được đảm bảo bằng thế chấp tài sản là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.
- (vii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng 1304/2017/HĐHM/SONHA ngày 22 tháng 5 năm 2017, dư nợ tối đa là 150.000.000.000 VND, mục đích để bổ sung vốn lưu động, lãi suất thả nổi, thời hạn vay 12 tháng, bảo lãnh thanh toán và mở L/C, tài sản đảm bảo là thành phẩm tồn kho.

Các khoản vay tại Công ty TNHH Một thành viên SSP Việt Nam

- (i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2017/7989546/HĐTD ngày 20 tháng 4 năm 2017 với hạn mức vay tối đa 35.977.500.000 VND để bổ sung vốn lưu động.
- (iii) Khoản vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức theo Hợp đồng tín dụng số 01/2017/7989546/HĐTD ngày 17 tháng 02 năm 2017 với hạn mức tín dụng thường xuyên 100.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 0502/2017/HĐHMTD/PVB-KHDN-CNBN ngày 06 tháng 3 năm 2017 với hạn mức vay tối đa 180.000.000.000 VND hoặc 10.000.000 USD để bổ sung vốn lưu động, khoản vay được đảm bảo bằng nguyên vật liệu tồn kho.
- (viii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Đống Đa theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 9017.17.058.2475643.TD ngày 05 tháng 6 năm 2017 với hạn mức vay tối đa 100.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động, khoản vay được đảm bảo bằng thành phẩm tồn kho.

Các khoản vay tại Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An

- (i) Khoản vay tín chấp Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/7696459/HĐTD ngày 01 tháng 8 năm 2017 với hạn mức 50.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C với lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2018.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 09/2017-HĐCVHM/NHCT440-SONHA ngày 21 tháng 8 năm 2017 với hạn mức 25.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh các sản phẩm bồn chứa nước và hàng gia dụng khác với lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 31 tháng 8 năm 2018. Tài sản thế chấp cho khoản vay là 7 xe ô tô bao gồm cả ô tô con và ô tô tải theo hợp đồng thế chấp tài sản số 116/2017/HĐTC/NHCT440-SONHA và toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển của công ty với giá trị tối thiểu là 40.161.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp hàng tồn kho số 117/2017/HĐTC/NHCT440-SONHA.

Các khoản vay tại Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng Sơn Hà

- (i) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/4916331/HĐTD ngày 01 tháng 8 năm 2017 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C. Hạn mức tín dụng thường xuyên được cấp với số tiền tối đa là 20.000.000.000 VND. Thời hạn cấp hạn mức là từ ngày 01 tháng 8 năm 2017 đến ngày 31 tháng 7 năm 2018. Thời hạn hoàn trả của các khoản giải ngân theo hợp đồng này là 06 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Khoản vay tại Công ty TNHH MTV Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà

- (iii) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức theo 02 Hợp đồng tín dụng:
 - Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức với hạn mức 8.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán mở L/C, lãi suất được áp dụng theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, thời hạn vay là 12 tháng.
 - Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức với hạn mức 12.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán mở L/C, lãi suất được áp dụng theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, thời hạn vay là 12 tháng.

Khoản vay tại Công ty TNHH MTV Logistics Sơn Hà

- (i) Khoản vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng số 01/2017/9105762/HĐTD ngày 01 tháng 8 năm 2017 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, số tiền vay: 18.000.000.000 VND, thời hạn vay: 6 tháng, lãi suất: 6,3%.

Khoản vay tại Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC với lãi suất 6,3%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 02 quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà.

Khoản vay tại Công ty Cổ phần Sản xuất - Kinh doanh Toàn Mỹ

- (viii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng cấp tín dụng số 078K16 ngày 05 tháng 12 năm 2016 để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại nhà xưởng Bình Dương 1 và Bình Dương 2; Quyền sử dụng đất tọa lạc tại Khu biệt thự Vinh Phú theo các Hợp đồng thế chấp số 036TT12 và 035TT12 ngày 07 tháng 2 năm 2012.
- (x) Khoản vay Chi nhánh Ngân hàng LD VID Public Bank Đà Nẵng theo Hợp đồng cấp tín dụng số DNG/LC/TR/B-G/RC/09/025 ngày 18 tháng 3 năm 2013 để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại lô đất số 6 thuộc Khu công nghiệp Điện Nam, Điện Ngọc; toàn bộ tài sản cố định là xe cơ giới và máy móc thiết bị; Bình quân tồn kho nguyên liệu là Inox cuộn và thành phẩm với giá trị bình quân tại mọi thời điểm là 6 tỷ VND.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn các cá nhân	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	1.245.302.539.524	2.950.000.000	2.950.000.000	1.876.030.474	22.000.000.000	1.321.660.060.386
Tiền vay phát sinh trong năm	3.984.349.327.486	1.335.000.000	1.335.000.000			3.985.684.327.486
Tăng do hợp nhất	84.819.047.795					84.819.047.795
Số kết chuyển				3.863.321.845	22.000.000.000	107.484.832.341
Tiền vay đã trả trong năm	(3.829.728.304.165)	(3.845.000.000)	(3.845.000.000)	(1.876.030.474)	(22.000.000.000)	(3.906.127.609.496)
Giảm khác	(198.861.950)					(198.861.950)
Số cuối năm	1.484.543.748.690	440.000.000	440.000.000	3.863.321.845	22.000.000.000	1.593.321.796.562

21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	304.118.936.510	281.493.214.190
Vay dài hạn ngân hàng	251.321.707.547	212.644.602.690
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (i)	5.780.939.530	14.874.684.642
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức (trước là Chi nhánh Hà Tây) (ii)	47.697.990.779	108.716.457.946
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đống Đa (iii)	-	3.238.478.256
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long (iv)	-	1.291.040.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (v)	109.334.817.258	60.467.807.765
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (vi)	506.178.500	3.005.892.500
Ngân hàng TMCP Công thương Nghệ An (vii)	3.198.000.000	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (viii)	59.720.953.879	21.050.241.581
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ix)	25.082.827.601	
Nợ thuê tài chính	9.387.103.963	3.635.111.500
Công ty Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP ACB	1.811.941.988	3.635.111.500
Công ty Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	5.716.944.000	
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST - CN Hà Nội	1.858.217.975	
Trái phiếu thường dài hạn	43.410.125.000	65.213.500.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (x)	43.410.125.000	65.213.500.000
Cộng	304.118.936.510	281.493.214.190

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Các khoản vay tại Công ty mẹ

- (i) Khoản vay theo các hợp đồng tín dụng trong năm 2015 với tổng hạn mức là 54.100.000.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng, mục đích để đầu tư Dự án đầu tư dây chuyền rửa cao cấp và Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất sản phẩm bình nước nóng, lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân. Khoản vay được bảo đảm bằng việc thế chấp toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án.
- (ii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo theo hợp đồng tín dụng số 02/2014/147831/HĐTD ngày 20 tháng 5 năm 2014, số tiền vay là 15.000.000.000 VND bao gồm cả VND và ngoại tệ với mục đích đầu tư máy móc thiết bị sản xuất Inox và phương tiện vận tải. Thời hạn vay là 60 tháng, ân hạn gốc vay đến ngày 25 tháng 12 năm 2014, lãi suất vay VND là 12%, USD là 6,5% và được điều chỉnh mỗi quý một lần.
- (iv) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số T11014015/HĐTD-LienVietPostBankTL ngày 23 tháng 10 năm 2014 với hạn mức 10.000.000.000 VND, mục đích vay để mua ô tô phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày bắt đầu nhận tiền vay, lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân, lãi phạt 150% lãi suất vay trong hạn, trả gốc 3 tháng/lần, trả lãi hàng tháng, thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (v) Khoản vay theo các hợp đồng tín dụng trong năm 2014 với mục đích đầu tư máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân, thế chấp bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.
- (vi) Khoản vay theo các hợp đồng tín dụng trong năm 2015 với mục đích mua sắm phương tiện vận tải, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên, lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân và thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (viii) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Hà Tây: Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư 85/17/KHDN/TDN/VCBHT-SH ngày 29 tháng 8 năm 2017 mục đích thực hiện dự án Xây dựng trạm xử lý nước Dương Nội, quận Hà Đông, công suất 30.000 m³/ngày, dư nợ vay tối đa là 100.000.000.000 VND, thời hạn vay: 15 năm, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành trong tương lai từ dự án trạm xử lý nước Dương Nội có công suất 30.000 m³/ngày và các hạng mục có liên quan thuộc dự án Xây dựng Trạm xử lý nước Dương Nội, quận Hà Đông.
- (ix) Ngân hàng Công thương chi nhánh Quang Trung: Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 62/2017- HDDCV-DADT/NHCTT324-SONHA ngày 29 tháng 12 năm 2017 mục đích thanh toán các chi phí để thực hiện phương án hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 876/2017/HĐHTKD- NHĐ- SONHA dư nợ vay tối đa là 57.513.000.000 VND, thời hạn vay: 12 năm, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành trong tương lai.
- (x) Trái phiếu thường và có đảm bảo được phát hành cho Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân với kỳ hạn 5 năm, mệnh giá 110.000.000.000 VND. Lãi suất cho kỳ tính lãi đầu tiên là 9,8%/năm, cho các kỳ tính lãi tiếp theo là trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau bằng VND kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Sở Giao dịch cộng với 3,15%/năm. Mục đích phát hành là để thực hiện xây dựng nhà máy Sơn Hà Nghệ An và dự án thi công các Showroom của Công ty.

Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất; máy móc thiết bị và phương tiện vận tải thuộc Dự án Xây dựng Nhà máy Sơn Hà Nghệ An; 2.525.000 Cổ phiếu SHI của Ông Lê Vinh Sơn, 2.175.000 Cổ phiếu SHI của Ông Lê Hoàng Hà (xem thuyết minh số VIII.1a).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Khoản vay tại Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà SSP Việt Nam

(v) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân được đảm bảo bằng tài sản cố định có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 15.275 triệu VND (1/1/2018: 12.247 triệu VND)

(vii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – chi nhánh Đống Đa theo 02 Hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 12422.16.058.2475643.TD ngày 31 tháng 3 năm 2016 với số tiền 548.400.000 VND để mua ô tô Inova, thời hạn vay 60 tháng, trả lãi vào ngày 25 hàng tháng, được bảo đảm bằng xe ô tô Toyota Inova BKS 30E-151.09.
- Hợp đồng tín dụng số 18024.16.058.2475643.TD ngày 15 tháng 6 năm 2016 với số tiền cho vay 9.000.000.000 VND, mục đích vay để đầu tư máy móc thiết bị, phương tiện vận tải mới 100% phục vụ nhu cầu đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay: đối với Phương tiện vận tải: 60 tháng, đối với Máy móc thiết bị: 48 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay...

Khoản vay tại Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoài Đức để đầu tư nhà máy sản xuất thiết bị gia dụng tại khu công nghiệp, đô thị Thuận Thành II, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, với lãi suất 10%/năm áp dụng từ thời điểm giải ngân đến ngày 31/3/2017 và các kỳ tiếp theo áp dụng lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả theo lịch trả nợ, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 6 năm 2017. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (công trình nhà xưởng của công ty).

Khoản vay tại Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị nhà bếp Sơn Hà

(iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoài Đức để đầu tư nhà máy sản xuất thiết bị gia dụng tại khu công nghiệp, đô thị Thuận Thành II, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, với lãi suất 10%/năm áp dụng từ thời điểm giải ngân đến ngày 31/3/2017 và các kỳ tiếp theo áp dụng lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả theo lịch trả nợ, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 6 năm 2017. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc tài sản hình thành từ vốn vay (công trình nhà xưởng của công ty).

Khoản vay tại Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Toàn Mỹ

(ix) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Nghệ An theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/HĐCVDADT/N-HCCT440-TOANMY ngày 30/01/2018 để phục vụ thanh toán các chi phí cho dự án Cải tạo và xây dựng xưởng sản xuất, nhà ăn, mua máy móc thiết bị của nhà máy Toàn Mỹ, thời gian vay 60 tháng, tài sản đảm bảo là toàn bộ máy móc thiết bị hình thành tài sản trong tương lai của Nhà máy.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	333.796.433.574	82.474.726.027	251.321.707.547	
Nợ thuê tài chính	13.250.425.818	3.863.321.855	9.387.103.963	
Trái phiếu thường	65.410.125.000	22.000.000.000	43.410.125.000	
Cộng	412.456.984.392	108.338.047.882	304.118.936.510	
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	262.176.093.078	49.531.490.388	212.644.602.690	
Nợ thuê tài chính	5.511.141.974	1.876.030.474	3.635.111.500	
Trái phiếu thường	87.213.500.000	22.000.000.000	65.213.500.000	
Cộng	354.900.735.052	73.407.520.862	281.493.214.190	
Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:				
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Tiền gốc phải trả	3.863.321.855	9.387.103.963		13.250.425.818
Lãi thuê phải trả				
Cộng	3.863.321.855	9.387.103.963		13.250.425.818
Số đầu năm				
Tiền gốc phải trả	1.876.030.474	3.635.111.500		5.511.141.974
Lãi thuê phải trả				
Cộng	1.876.030.474	3.635.111.500		5.511.141.974

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số đầu năm	212.644.602.690	3.635.111.500	65.213.500.000	281.493.214.190
Số tiền vay phát sinh trong năm	129.110.054.753	12.062.815.951		141.172.870.704
Tăng khác (đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối năm)	112.651.000			112.651.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(8.924.090.400)	(2.447.501.643)		(11.371.592.043)
Số kết chuyển	(81.621.510.496)	(3.863.321.845)	(22.000.000.000)	(107.484.832.341)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu			196.625.000	196.625.000
Số cuối năm	251.321.707.547	9.387.103.963	43.410.125.000	304.118.936.510

21c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	9.536.632.664	2.181.211.420
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	4.721.945.858	8.114.545.908
Tăng do hợp nhất	1.022.679.526	
Tăng khác	362.806.440	672.393.060
Chi quỹ	(1.740.195.391)	(1.431.517.724)
Số cuối năm	13.903.869.097	9.536.632.664

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát
Số đầu năm trước	611.895.030.000	16.061.097.352		(9.484.460.000)	13.980.966.137	199.598.363.963	11.223.997.717
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	30.429.030.000					(30.429.030.000)	
Góp vốn trong năm							15.628.569.259
Lợi nhuận trong năm trước						99.944.808.429	5.511.341.997
Trích lập các quỹ SHI					3.398.468.287	(11.328.227.624)	
Trích lập các quỹ Công ty con					923.932.857	(1.019.264.249)	(89.455.179)
Chia cổ tức, lợi nhuận						(30.316.161.500)	(1.936.400.000)
Thuợng bằng cổ phiếu quỹ				5.298.137.028		(5.298.137.028)	
Chia thưởng cho CBCNV						(6.320.000.000)	
Thù lao hội đồng quản trị						(563.820.000)	
Công ty liên kết trích quỹ khen thưởng phúc lợi						(122.584.945)	
Công ty liên kết trích quỹ thưởng Hội đồng quản trị						(82.800.000)	
Số dư cuối năm trước	642.324.060.000	16.061.097.352		(4.186.322.972)	18.303.367.281	214.063.147.046	30.338.053.794
Số đầu năm nay	642.324.060.000	16.061.097.352		(4.186.322.972)	18.303.367.281	214.063.147.046	30.338.053.794
Công ty con tăng vốn bằng lợi nhuận			35.159.000.000			(40.000.000.000)	4.841.000.000
Tăng vốn từ lợi nhuận	31.949.310.000					(31.949.310.000)	
Góp vốn trong năm							12.377.851.260
Tăng vốn để hoán đổi cổ phiếu	179.600.000.000	(59.268.000.000)					
Chi phí từ vốn hoán đổi cổ phiếu		(4.665.000.000)					
Điều chỉnh tăng do hợp nhất							255.831.057
Lợi nhuận trong năm						103.108.452.251	5.025.234.743
Trích lập các quỹ						(13.641.132.138)	
Chia cổ tức, lợi nhuận						(31.956.773.000)	(33.400.000)
Thù lao Hội đồng quản trị					8.919.186.280	(455.640.000)	
Ban kiểm soát							
Số dư cuối năm	853.873.370.000	(47.771.902.648)	35.159.000.000	(4.186.322.972)	27.222.553.561	199.166.744.159	52.804.570.854

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Lê Vĩnh Sơn	136.394.900.000	129.158.400.000
Ông Lê Hoàng Hà	85.285.220.000	93.586.080.000
Các cổ đông khác	632.193.250.000	419.579.580.000
Cộng	853.873.370.000	642.324.060.000

23c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	85.387.337	64.232.406
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	85.068.477	63.913.546
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	318.860	318.860
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	85.068.477	63.913.546

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 ngày 27 tháng 4 năm 2018 như sau:

	VND
Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền mặt	31.956.773.000
Chia cổ tức cho các cổ đông bằng cổ phiếu	31.949.310.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	6.996.136.590
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	1.998.896.169

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	82.533,43	597.259
Nhân dân tệ (CNY)		5.370
Won Hàn Quốc (KRW)		569.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	2.625.524.792.877	774.186.957.389
Doanh thu bán thành phẩm	1.974.356.859.993	2.911.374.847.728
Doanh thu cung cấp dịch vụ	58.478.497.532	21.820.789.517
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư		23.980.875.218
Cộng	4.658.360.150.402	3.731.363.469.852

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai		
Bán hàng hóa, thành phẩm	13.319.030.380	
Cung cấp dịch vụ	83.155.280	
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn		
Bán hàng hóa, thành phẩm	280.109.033.594	
Cung cấp dịch vụ	316.698.267	

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	154.780.287.563	150.870.760.410
Hàng bán bị trả lại	17.637.110.722	18.186.237.130
Giảm giá hàng bán	19.760.911	2.219.185.132
Cộng	172.437.159.196	171.276.182.672

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.303.072.442.975	540.020.327.030
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.541.501.409.639	2.446.851.010.796
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	59.024.235.272	73.599.894.637
Giá vốn của bất động sản đã bán		25.652.927.000
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(542.439.175)	
Cộng	3.903.055.648.711	3.086.124.159.463

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	3.824.032.767	1.056.021.043
Lãi tiền cho vay	4.639.039.885	6.360.825.096
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.248.578.336	1.701.907.404
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	333.266.510	2.849.950.918
Cổ tức	392.691.780	
Chiết khấu thanh toán	231.253.199	
Lãi thoái vốn công ty con	13.886.988.541	
Doanh thu tài chính khác	45.909.864	
Cộng	27.601.760.882	11.968.704.461

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	112.722.253.256	91.196.199.702
Chiết khấu thanh toán	4.807.063.291	3.645.638.080
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	10.201.074.435	840.940.148
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.695.381.439
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	196.625.000	
Lỗ do thanh lý công ty liên kết		25.623.206.586
Chi phí tài chính khác	637.539.148	146.615.162
Cộng	128.564.555.130	123.147.981.117

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	100.691.681.670	88.189.649.994
Chi phí vật liệu, bao bì	7.225.357.015	13.398.789.268
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	13.557.240.012	13.453.804.649
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.794.022.571	1.635.480.344
Chi phí bảo hành	8.952.953.367	1.298.802.761
Chi phí vận chuyển, chi phí xuất khẩu	45.741.482.528	5.618.453.432
Chi phí quảng cáo, khuyến mại	6.774.931.734	5.799.461.958
Các chi phí khác	48.562.424.935	30.566.774.491
Cộng	233.300.093.832	159.961.216.897

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	54.677.965.573	37.377.511.490
Chi phí vật liệu quản lý	616.245.276	3.562.149.644
Chi phí đồ dùng văn phòng	6.240.309.047	1.596.572.280
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.905.592.286	4.106.964.226
Thuế, phí và lệ phí	2.959.197.412	809.739.478
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	576.237.517	(3.752.220.232)
Chi phí thanh toán, mở LC	2.604.296.577	425.956.057
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.428.222.022	5.931.251.222
Các chi phí khác	34.295.167.246	21.364.894.095
Cộng	116.303.232.955	71.422.818.260

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ	756.956.878	3.924.456.922
Thanh lý tài sản	1.095.096.990	
Truy thu ông Lê Văn Tấn	2.139.096.540	
Các khoản thuế được hoàn	75.061.137	408.117.064
Phạt vi phạm hợp đồng	431.165.299	262.656.912
Xử lý công nợ	694.360.154	
Thu nhập khác	2.761.479.909	1.651.502.980
Cộng	7.953.216.907	6.246.733.878

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản		512.262.451
Lỗ thanh lý công cụ dụng cụ	4.559.323.573	3.505.361.370
Thuế bị phạt, bị truy thu	238.688.250	4.361.563.938
Chi phí thiệt hại do bão	366.753.084	1.622.937.996
Chi phí marketing	110.231.001	1.372.788.680
Chi phí hoàn ứng không có hóa đơn, chứng từ	557.264.576	
Chi phí khác	1.983.313.003	1.128.437.325
Cộng	7.815.573.487	12.503.351.760

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu		
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	103.108.452.251	99.944.808.429
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		(5.177.585.858)
Thù lao hội đồng quản trị		(455.640.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		(4.721.945.858)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	103.108.452.251	94.767.222.571
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	71.462.186	66.844.040
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.443	1.418

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	64.232.406	60.473.443
Ảnh hưởng của cổ phiếu quỹ tái phát hành		132.763
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2017		3.042.903
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2018	3.194.931	3.194.931
Ảnh hưởng của việc hoán đổi cổ phiếu	4.034.849	
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	71.462.186	66.844.040

10b. Thông tin khác

Ngày 06 tháng 6 năm 2018 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Ngoài ra, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước cũng được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Các điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 1.418 VND xuống còn 1.117 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.284.894.537.394	3.267.535.656.717
Chi phí nhân công	282.100.986.269	315.219.898.515
Chi phí khấu hao tài sản cố định	58.635.949.599	44.212.639.854
Chi phí dịch vụ mua ngoài	226.662.082.433	276.521.642.089
Chi phí khác	166.483.415.180	102.591.284.516
Cộng	3.018.030.405.475	4.006.081.121.691

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tăng tài sản thông qua việc nhận nợ thuê tài chính	11.374.142.707	5.721.001.200
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	3.886.859.998	
Chuyển lãi cho vay thành gốc cho vay		6.014.048.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	31.949.310.000	30.429.030.000
Tăng vốn để hoán đổi cổ phiếu Toàn Mỹ	179.600.000.000	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

> Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		
Tạm ứng		3.907.627.500
Thanh toán tạm ứng		3.907.627.500

> Cam kết bảo lãnh

Ông Lê Vinh Sơn và ông Lê Hoàng Hà dùng lần lượt 2.525.000 và 2.175.000 cổ phiếu SHI thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty theo hợp đồng đặt mua trái phiếu ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân (xem thuyết minh số V.21).

> Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.6.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

> Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương và phụ cấp	3.140.666.149	792.662.370

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	Công ty liên kết
Công ty TNHH Một thành viên Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai	Công ty con của Sơn Hà Sài Gòn
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	Công ty liên quan của thành viên chủ chốt
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Dịch vụ Sakura	Công ty liên quan của thành viên chủ chốt
Công ty TNHH MTV Sản xuất Đầu tư và Phát triển Hoàng Hà	Công ty liên quan của thành viên chủ chốt

> Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn không còn phát sinh các giao dịch với các bên liên quan khác.

> Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh hàng gia dụng.
- Lĩnh vực kinh doanh hàng công nghiệp.
- Lĩnh vực kinh doanh khác

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hàng công nghiệp	Hàng gia dụng	Lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.408.157.165.903	3.019.287.327.771	58.478.497.532	4.485.922.991.206
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.408.157.165.903	3.019.287.327.771	58.478.497.532	4.485.922.991.206
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	128.500.582.786	454.912.497.449	(545.737.740)	582.867.342.495
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(349.603.326.787)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(349.603.326.787)
Doanh thu hoạt động tài chính				27.601.760.882
Chi phí tài chính				(128.564.555.130)
Thu nhập khác				7.953.216.907
Chi phí khác				(7.815.573.487)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				(4.117.023.379)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(20.188.154.507)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				108.133.686.994
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	10.206.533.331	209.270.958.103		219.477.491.434
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	15.048.274.476	43.587.675.123		58.635.949.599

	Hàng công nghiệp	Hàng gia dụng	Lĩnh vực khác	Cộng
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.854.352.137.194	659.933.485.251	45.801.664.735	3.560.087.287.180
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.854.352.137.194	659.933.485.251	45.801.664.735	3.560.087.287.180
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	146.726.420.922	380.687.863.697	(53.451.156.902)	473.963.127.717
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(231.384.035.157)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				242.579.092.560
Doanh thu hoạt động tài chính				11.968.704.461
Chi phí tài chính				(123.147.981.117)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				5.258.428.031
Thu nhập khác				6.246.733.878
Chi phí khác				(12.503.351.760)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(25.698.229.281)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				752.753.654
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				105.456.150.426
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	18.063.357.077	297.796.029.559		315.859.386.636
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	13.628.242.157	27.492.370.297	3.032.271.458	44.152.883.912

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hàng công nghiệp	Hàng gia dụng	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	496.985.729.140	2.810.542.686.399	44.561.351.867	3.352.089.767.406
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				177.433.579.816
Tổng tài sản				3.529.523.347.222
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	353.267.217.951	2.028.775.450.805	31.210.665.512	2.413.253.334.268
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				
Tổng nợ phải trả				2.413.253.334.268
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.379.724.857.744	856.130.584.991	39.845.358.997	2.275.700.801.732
Tài sản phân bổ cho bộ phận	7.151.615.484	3.637.103.513		10.788.718.997
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				690.935.993.531
Tổng tài sản				2.977.425.514.260
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	406.159.740.913	182.126.789.119	39.845.358.997	628.131.889.029
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	195.643.614.663	99.498.648.896		295.142.263.559
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				1.137.247.959.171
Tổng nợ phải trả				2.060.522.111.759

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam.

Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận chỉ có trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Người lập biểu



Phạm Thị Minh Phương

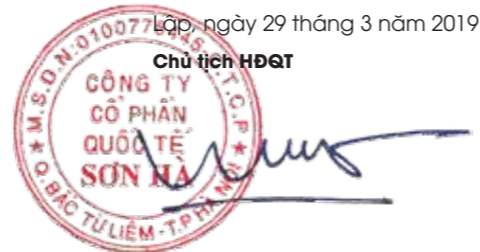
Kế toán trưởng



Trần Thị Thủy

Lập, ngày 29 tháng 3 năm 2019

Chủ tịch HĐQT



Lê Vinh Sơn



TỪ KHỞI ĐẦU
ĐẾN
KHỞI NGHIỆP





CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

Tel: 024 62656566

Fax: 024 62656588

Email: support@sonha.com.vn

Website: www.sonha.com.vn